

BÁO CÁO**sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (khóa X)
về nông nghiệp, nông dân, nông thôn**

Thực hiện Công văn số 5115-CV/VPTW, ngày 11 tháng 3 năm 2013 của Văn phòng Trung ương Đảng về việc tổ chức sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Tỉnh ủy Bình Định đã chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh tiến hành sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Nhằm đánh giá những kết quả đạt được, chưa được, nguyên nhân, tồn tại của việc triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (khóa X) trong thời gian qua; đề ra phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới. Tỉnh ủy Bình Định báo cáo kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn từ năm 2008 đến 2012 và định hướng đến năm 2020 như sau:

Phần thứ nhất**TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT****I - TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI****1. Kết quả học tập quán triệt và tuyên truyền về Nghị quyết***a) Công tác tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết*

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Tỉnh ủy Bình Định đã tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết cho cán bộ chủ chốt của tỉnh, đồng thời chỉ đạo các cấp ủy đảng từ tỉnh đến cơ sở tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết cho cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh.

b) Công tác thông tin tuyên truyền Nghị quyết

Gắn với tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết, cấp ủy, chính quyền các cấp, các ngành đã tổ chức thông tin, tuyên truyền sâu rộng về ý nghĩa và các nội dung của Nghị quyết đến với quần chúng nhân dân trong tỉnh, nhất là đối với các

vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi với nhiều hình thức khác nhau thông qua các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương. Nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền được các cấp từ tỉnh đến cơ sở thực hiện thường xuyên, liên tục trong thời gian dài nên cán bộ, đảng viên và nhân dân đã hiểu rõ, đầy đủ ý nghĩa, nội dung của Nghị quyết, góp phần tạo tiền đề triển khai cho các bước tiếp theo.

c) Triển khai các phong trào thi đua thực hiện Nghị quyết

Cùng với cả nước, Bình Định phát động phong trào thi đua “Tỉnh Bình Định chung sức xây dựng nông thôn mới”, nhằm tạo khí thế thi đua sôi nổi trong cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, quyết tâm thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020 trên địa bàn tỉnh. Chương trình xây dựng nông thôn mới được tổ chức tuyên truyền sâu rộng trên các phương tiện thông tin đại chúng với nhiều hình thức khác nhau như xây dựng chuyên đề, chuyên mục riêng, bản tin... để cho người dân hiểu rõ chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng nông thôn mới. Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể tổ chức quán triệt và triển khai Nghị quyết, tuyên truyền, vận động cho hội, đoàn viên và nhân dân tham gia hưởng ứng tích cực phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới gắn với cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, với việc tiếp tục nâng cao chất lượng cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đẩy mạnh phong trào “Tuổi trẻ Bình Định chung tay xây dựng nông thôn mới” trong đoàn viên thanh niên.

d) Đánh giá công tác quán triệt, thông tin tuyên truyền Nghị quyết

Thông qua học tập, quán triệt Nghị quyết, các cấp ủy đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên đã có sự chuyển biến nhận thức về vai trò, vị trí của nông nghiệp, nông dân, nông thôn; đồng thời xác định rõ hơn nhiệm vụ của mình trong việc thể chế hóa, tổ chức chỉ đạo thực hiện Nghị quyết. Từ yêu cầu của Nghị quyết, các sở, ban, ngành, cấp ủy và chính quyền địa phương đã cụ thể hóa thành kế hoạch, đề án, thể hiện quyết tâm cao để đưa Nghị quyết vào cuộc sống.

Phần lớn người dân đã tin tưởng vào đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước về chủ trương thúc đẩy phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Nông dân nhận thức được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đối với nông nghiệp, nông dân, nông thôn, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và sự hỗ trợ của Nhà nước đối với nông nghiệp, nông dân, nông thôn, đặc biệt là phong trào xây dựng nông thôn mới đã được cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh đồng tình hưởng ứng, ra sức thi đua thực hiện.

2. Tình hình triển khai Nghị quyết

a) Xây dựng và triển khai các chương trình của Trung ương và địa phương

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Tỉnh ủy đã đề ra chương trình hành động thực hiện Nghị quyết, đồng thời chỉ đạo các cấp ủy đảng từ tỉnh đến cơ sở tổ chức học tập, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X), Chương trình hành động của Tỉnh ủy cho cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh.

Căn cứ Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ngày 28/10/2008 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 và Chương trình hành động của Tỉnh ủy Bình Định; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy Bình Định thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Phân công nhiệm vụ cho các sở, ban, ngành, ủy ban nhân dân các huyện, thị, thành phố xây dựng kế hoạch, quy hoạch, đề án cụ thể và tổ chức triển khai thực hiện. Trong đó, có Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và triển khai Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

Về Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: Sau khi có Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2020. Tỉnh ủy Bình Định đã ban hành Chương trình hành động số 05-CTr/TU ngày 22/8/2011 thực hiện Nghị quyết Đại hội XI của Đảng và Nghị quyết Đại hội XVIII Đảng bộ tỉnh về “Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2015, tầm nhìn đến 2020”; đồng thời ban hành Chỉ thị số 13-CT/TU ngày 07/11/2011 triển khai thực hiện Chương trình hành động. Để triển khai thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy, Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh đã cụ thể hóa bằng việc xây dựng ban hành Quyết định số 508/QĐ-UBND ngày 28/02/2013 về việc điều chỉnh bổ sung Quyết định số 441/QĐ-UBND ngày 5/9/2011 về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bình Định giai đoạn 2011 - 2015. Trên cơ sở các chủ trương, chính sách của Trung ương và các văn bản của địa phương ban hành, các cấp, các ngành đã tổ chức triển khai thực hiện bước đầu đã tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức, được đông đảo cán bộ, đảng viên, quần chúng nhân dân đồng tình, ủng hộ.

Thực hiện Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn: Thực hiện Quyết định số 1956/2009/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn, Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh đã cụ thể hóa ban hành Quyết định số 2072/QĐ-CTUBND ngày 13/9/2010 về việc phê duyệt Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Bình Định đến năm 2020; đồng thời ban hành Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 20/4/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về tăng cường công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Bình Định đến năm 2020. Tỉnh ủy Bình Định cũng đã ban hành Chương trình hành động số 08-CTr/TU ngày 30/8/2011 về thực hiện Nghị quyết Đại hội XI của Đảng và Nghị quyết Đại hội XVIII Đảng bộ tỉnh về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2011 - 2015. Bên cạnh đó đã chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện các

chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp dạy nghề cho người lao động; chính sách ưu đãi, trợ cấp xã hội đối với người học nghề. Công tác tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh được triển khai kịp thời, đúng tiến độ; mạng lưới cơ sở dạy nghề được củng cố và phát triển, thu hút được nhiều cơ sở tham gia dạy nghề.

b) Triển khai các cơ chế, chính sách do Trung ương ban hành

Trong thời gian qua Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tập trung chỉ đạo các cấp, các ngành triển khai thực hiện tốt các cơ chế, chính sách hỗ trợ cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn phát triển.

Các cơ chế, chính sách đã được các cấp, các ngành nhanh chóng triển khai thực hiện kịp thời, từng bước đi vào cuộc sống, tạo hành lang pháp lý, cơ sở để huy động các nguồn lực của Trung ương và địa phương đầu tư vào phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn có hiệu quả; tạo động lực thúc đẩy tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; góp phần đổi mới nhận thức của các cấp, các ngành và nhất là người dân trong vai trò chủ thể của cộng đồng về vị trí, ý nghĩa và tầm quan trọng của nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Đồng thời, được đông đảo cán bộ, đảng viên, quần chúng nhân dân đồng tình, ủng hộ và tạo diện mạo cho nông nghiệp, nông thôn của địa phương ngày càng được khởi sắc, đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được cải thiện đáng kể.

Bên cạnh những thuận lợi, vẫn còn một số khó khăn trong cơ chế, chính sách ban hành còn thiếu thực tiễn, thiếu nguồn lực đầu tư, hỗ trợ; thiếu tính hấp dẫn nên hiệu quả của chính sách còn rất hạn chế, chưa thực sự tạo động lực mạnh mẽ để thúc đẩy tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn như: Chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn ban hành theo Nghị định số 41/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 của Chính phủ; chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn ban hành theo Nghị định số 61/2010/NĐ-CP ngày 04/6/2010 của Chính phủ; chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch đối với nông sản, thủy sản ban hành theo Quyết định số 63/2010/QĐ-TTg ngày 15/10/2010 và Quyết định số 65/2011/QĐ-TTg ngày 02/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ...

Nhìn chung quá trình triển khai thực hiện cơ chế, chính sách theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7 (khóa X) có tác dụng thiết thực, đã giải quyết một số khó khăn cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn, được đa số cán bộ, đảng viên và nhân dân đồng tình ủng hộ.

c) Ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù

Từ năm 2008 đến nay, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách đặc thù phù hợp với tình hình thực tiễn về phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và từng bước đi vào cuộc sống như: Quyết định số 43/2009/QĐ-

UBND ngày 20/10/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành chính sách hỗ trợ phát triển giống cây trồng giai đoạn 2010 - 2015 trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 657/QĐ-UBND ngày 14/9/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành chính sách khuyến khích giết mổ gia súc, gia cầm tập trung trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 13/2009/QĐ-UBND ngày 23/4/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh chính sách kiên cố hóa kênh mương giai đoạn 2009 - 2010; Quyết định số 20/2010/QĐ-UBND ngày 26/8/2010 về việc điều chỉnh, bổ sung chính sách khuyến khích phát triển làng nghề tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 508/QĐ-UBND ngày 28/02/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh bổ sung Quyết định số 441/QĐ-UBND ngày 5/9/2011 về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bình Định giai đoạn 2011 - 2015; Quyết định số 27/2011/QĐ-UBND ngày 01/09/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Chương trình bê tông hoá giao thông nông thôn giai đoạn 2012 - 2015; Quyết định số 2072/QĐ-CTUBND ngày 13/09/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Bình Định đến năm 2020; Quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 13/5/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phân bổ và quy định sử dụng kinh phí bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương năm 2012 và từ năm 2013 - 2015 để thực hiện chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa theo Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 11/5/2012 của Chính phủ... Ngoài cơ chế, chính sách của Trung ương, các cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh đã huy động nguồn lực của địa phương để đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn góp phần tạo điều kiện thực hiện đạt các mục tiêu, nhiệm vụ về phát triển nông nghiệp, nông thôn của tỉnh.

II - KẾT QUẢ CHỦ YẾU ĐẠT ĐƯỢC SAU 5 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

1. Xây dựng nền nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại; phát triển mạnh công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn

a) Thực hiện công tác quy hoạch sản xuất nông nghiệp

Để xây dựng nền nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiến hành tập trung xây dựng, rà soát, bổ sung quy hoạch tổng thể ngành nông nghiệp tỉnh Bình Định đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2020; quy hoạch phát triển ngành trồng trọt đến năm 2020; quy hoạch phát triển ngành chăn nuôi đến năm 2020; quy hoạch tổng thể phát triển ngành thủy sản Bình Định đến năm 2020; quy hoạch chuyên ngành cây mía giai đoạn 2011 - 2020, tầm nhìn 2030; quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng đến năm 2020; quy hoạch Bảo tồn khu rừng đặc dụng An Toàn giai đoạn 2011 - 2020... Các quy hoạch trên đảm bảo cơ cấu lại các ngành sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp theo hướng phát huy tiềm năng, lợi thế và đặc điểm, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và gắn với sản xuất hàng hoá, xuất khẩu.

b) Phát triển trồng trọt

Trong 5 năm qua, mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức về thiên tai, dịch bệnh, tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới cũng như biến đổi khí hậu nhưng ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã vững vàng vượt qua khó khăn, duy trì được tăng trưởng, giá trị tổng sản phẩm (GDP) ngành nông, lâm, thủy sản năm 2012 (*theo giá cố định năm 1994*) là 3.621.728 triệu đồng, tăng 28,06% so với năm 2008 (2.828.051 triệu đồng), cụ thể:

Cây lúa: Diện tích cây lương thực có hạt thực hiện năm 2012 là 119.505 ha, bằng 97% so với năm 2008. Trong đó: diện tích lúa cả năm 111.242 ha, năng suất 58,6 tạ/ha, sản lượng 651.828 tấn, tăng 26,3% so năm 2008. Tổng sản lượng lương thực có hạt năm 2012 đạt 697.681 tấn, tăng 28,4% so với năm 2008. Bước đầu đã hình thành các vùng sản xuất tập trung, năm 2012 có 02 cánh đồng mẫu lớn sản xuất lúa; vụ Đông Xuân 2012 - 2013 có 53 cánh đồng mẫu lớn sản xuất (lúa, mía, lạc), quy mô 50ha/cánh đồng; năng suất lúa đạt trung bình 72,3 tạ/ha, cao hơn ngoài mô hình 7 tạ/ha (năng suất trung bình 65,3 tạ/ha); năng suất trung bình cao nhất là các cánh đồng mẫu lớn huyện Tuy Phước (79,5 tạ/ha), cao hơn so với ngoài mô hình 7,8 tạ/ha; lợi nhuận đạt được trung bình 18,587 triệu đồng/ha, tăng hơn 7,074 triệu đồng/ha so với ngoài mô hình trung bình là 11,523 triệu đồng/ha.

Cây ngô: Năm 2012 diện tích 8.263 ha, năng suất 55,5 tạ/ha sản lượng 45.856 tấn, tăng 14,6% so năm 2008.

Cây mía: Năm 2012 diện tích 2.762 ha, năng suất 568,8 tạ/ha, sản lượng 157.097 tấn, giảm 0,7% so năm 2008. Từ năm 2010 đến nay tình hình vùng nguyên liệu mía bước đầu đã có chuyển biến tích cực, diện tích mía trong vùng nguyên liệu được duy trì và mở rộng; nếu như trong năm 2009 diện tích mía nguyên liệu chỉ còn 2.324 ha thì đến tháng 8/2012 đã tăng lên 2.784 ha, tăng 460 ha.

Cây sắn: Năm 2012 diện tích 13.594 ha, năng suất 235,2 tạ/ha, sản lượng 319.706 tấn, tăng 9,6% so năm 2008. Nhìn chung diện tích sắn cả tỉnh và trong vùng quy hoạch nguyên liệu (4.400 ha) phục vụ nhà máy chế biến của tỉnh từ năm 2008 - 2012 đều tăng hơn so kế hoạch.

Cây điều: Năm 2012 diện tích 10.162 ha, năng suất 5,5 tạ/ha, sản lượng 5.766 tấn, giảm 32,1% so năm 2008.

Rau quả: Năm 2012 diện tích trồng rau là 14.300 ha, năng suất 170 tạ/ha, sản lượng 243.100 tấn, tăng 13,1% so năm 2008.

c) Phát triển chăn nuôi

Năm 2012, đàn trâu của tỉnh có 20.997 con, tăng 9,3% so với năm 2008 và bằng 105% so với chỉ tiêu kế hoạch năm 2015; đàn heo 711.065 con, tăng 22,1% so với năm 2008 và bằng 88,9% so với chỉ tiêu năm 2015; đàn gia cầm 6.646,7 nghìn con, tăng 55,7% so với năm 2008 và bằng 97,7% so với chỉ tiêu năm 2015;

đàn bò 246.253 con, giảm 19,9% so với năm 2008 và bằng 91,2% so với chỉ tiêu năm 2015. Tuy giảm về đầu con, nhưng chất lượng đàn bò ngày càng được nâng cao. Năm 2012, đàn bò lai chiếm 66,5% tổng đàn, tăng 15,1% so với năm 2008 (tỷ lệ bò lai thời điểm 01/4/2013 là 68,7%). Đàn bò sữa tăng mạnh, năm 2012 đạt 1.618 con, tăng 87,3% so với năm 2008 và bằng 80,9% so với chỉ tiêu kế hoạch năm 2015.

Để đảm bảo an toàn dịch bệnh cho đàn vật nuôi, ngành nông nghiệp tỉnh đã chỉ đạo và triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp phòng chống dịch bệnh động vật như: tổ chức tuyên truyền sâu rộng trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng phòng, chống dịch bệnh động vật, nhất là dịch cúm gia cầm; xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch tiêm phòng vaccine động vật định kỳ 2 đợt/năm; tăng cường công tác kiểm dịch vận chuyển tại gốc, phúc kiểm ở các chốt đầu mối giao thông để phòng dịch bệnh lây lan từ bên ngoài vào địa bàn tỉnh; tổ chức thực hiện công tác tiêu độc sát trùng, kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y sản phẩm động vật; tăng cường công tác quản lý, giám sát dịch bệnh, phát hiện và xử lý kịp thời các ổ dịch phát sinh, nhằm ngăn chặn dịch bệnh lây lan diện rộng. Do đó trong 5 năm qua trên địa bàn tỉnh Bình Định dịch lở mồm long móng gia súc, cúm gia cầm và heo tai xanh cơ bản được khống chế.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Bình Định có 10 doanh nghiệp đầu tư nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi với tổng công suất thiết kế đạt 1,28 triệu tấn/năm. Có 6 nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi đang hoạt động với công suất thiết kế 440 nghìn tấn/năm và 5 nhà máy thức ăn chăn nuôi đang trong quá trình đầu tư xây dựng với tổng công suất thiết kế đạt 840 tấn/năm. Năm 2012, sản lượng thức ăn chăn nuôi công nghiệp sản xuất tại 5 nhà máy trên địa bàn tỉnh đạt 194.455 tấn, tăng 7,8% so với cùng kỳ năm 2011 và tăng 344,1% so với năm 2008. Trong đó, thức ăn hỗn hợp 167.234 tấn, tăng 8,2% so với năm 2011 và tăng 341,3% so với năm 2008; thức ăn đậm đặc 27.221 tấn, tăng 5,5% so với năm 2011 và tăng 360,5% so với năm 2008. Việc sử dụng thức ăn chăn nuôi đảm bảo chất lượng đã góp phần nâng cao hiệu quả chăn nuôi.

Năm 2012, toàn tỉnh có 836 cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm. Nhìn chung, các cơ sở giết mổ, chế biến gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh hầu hết nhỏ lẻ, phân tán trong khu dân cư, sản xuất theo phương thức truyền thống, việc chấp hành các quy định về điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm của các cơ sở chế biến còn nhiều bất cập. Do đó để đảm bảo yêu cầu về an toàn thực phẩm ngành nông nghiệp cần chỉ đạo các địa phương đầu tư, xây dựng các cơ sở giết mổ tập trung theo quy hoạch đã được tỉnh phê duyệt và ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ để từng bước hiện đại hóa cơ sở giết mổ, chế biến gia súc, gia cầm.

Nhìn chung, trong 5 năm qua mặc dù còn gặp nhiều yếu tố bất lợi, nhưng chăn nuôi của Bình Định vẫn đạt được mức tăng trưởng khá cao, tốc độ tăng trưởng đạt bình quân 12,5%/năm (năm 2009 đạt 18,7%, năm 2010 đạt 13%, năm 2011 đạt 7,5% và năm 2012 đạt 11,5%). Giá trị sản xuất chăn nuôi trong nông

nghiệp ngày càng chiếm tỷ trọng cao: Năm 2008 đạt 38,3%, năm 2010 đạt 40,2% và năm 2012 đạt 47,1%. Bình Định là một trong 5 tỉnh đạt tỷ trọng giá trị sản xuất chăn nuôi trong nông nghiệp cao nhất trong cả nước.

d) Thực hiện Chiến lược kinh tế biển gắn với an ninh, quốc phòng

Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh đã cụ thể hóa Chương trình hành động của Tỉnh ủy bằng việc xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch về Chiến lược kinh tế biển đến năm 2020 tỉnh Bình Định trên tinh thần phát triển tối đa hoá lợi ích kinh tế và đảm bảo quốc phòng an ninh vùng biển đảo, kết quả thực hiện trên các mặt sau:

Đến cuối năm 2012, toàn tỉnh Bình Định có 7.588 tàu cá khai thác xa bờ, tổng công suất 788.520CV; trong đó có 525 tàu cá ngư đại dương hiện đại có công suất 150 - 600CV.

Tổng sản lượng ngành thủy sản năm 2008 là 125.156 tấn, trong đó sản lượng khai thác là 118.848 tấn, sản lượng nuôi trồng là 6.308 tấn; năm 2012, tổng sản lượng là 175.397 tấn, tăng 50.241 tấn (tăng 40,1%) so năm 2008, trong đó: sản lượng khai thác là 166.974 tấn, sản lượng nuôi trồng là 8.423 tấn vượt kế hoạch do Tỉnh ủy đề ra tại Chương trình hành động số 16-CTr/TU ngày 20/8/2007 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá X) về Chiến lược biển đến năm 2020.

Về đầu tư xây dựng hạ tầng và dịch vụ nghề cá, theo quy hoạch hệ thống cảng cá, bến cá đến 2020 và thực tế đầu tư xây dựng trong thời gian qua, trên địa bàn tỉnh Bình Định hiện có 4 cảng cá gồm: Cảng cá Quy Nhơn với quy mô năng lực 300 lượt ngày/600CV (kết hợp trú bão), cảng cá Đê Gi quy mô năng lực 120 lượt ngày/300CV (kết hợp trú bão), cảng cá Tam Quan quy mô năng lực 200 lượt ngày/600CV (kết hợp trú bão) và cảng cá đảo Cù Lao Xanh. Bên cạnh đó có 03 khu neo đậu tránh trú bão là cửa Tam Quan, đầm Đê Gi, cửa biển Hà Ra. Riêng khu neo đậu tránh trú bão cửa biển Hà Ra chỉ mới đưa vào quy hoạch, chưa được đầu tư xây dựng, cửa biển thường xuyên bị bồi lấp nên chưa đưa vào hoạt động.

Về xây dựng hạ tầng phục vụ nuôi trồng thủy sản: Trong 5 năm qua đã xây dựng 01 cơ sở sản xuất cá giống nước ngọt, 17 cơ sở sản xuất giống (tôm chân trắng và tôm sú) nước lợ và 01 cơ sở sản xuất giống thủy sản nước mặn. Hiện nay vẫn chưa có cơ sở sản xuất thức ăn trong nuôi trồng thủy sản, chủ yếu sử dụng thức ăn công nghiệp. Đồng thời, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm, tổ chức tuyên truyền nâng cao ý thức quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thủy sản.

e) Phát triển rừng, bảo vệ, làm giàu từ rừng

Trong thời gian qua, để thực hiện chủ trương bảo vệ, phát triển rừng và làm giàu từ rừng; Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành nhiều chỉ thị, quyết định về việc

tăng cường các biện pháp cấp bách bảo vệ và phát triển rừng. Hàng năm, tổ chức từ 400 - 450 đợt tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng ở địa phương cho hộ nông dân để nâng cao nhận thức và hành động của người dân, thu hút hơn 28.471 lượt người tham dự và triển khai cho 2.000 đến 2.500 hộ ký bản cam kết bảo vệ rừng và phát triển rừng. Năm 2012, toàn tỉnh đã tiến hành giao khoán bảo vệ 102.693 ha, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh là 7.509 ha, trồng mới 9.200 ha. So với năm 2008, giao khoán bảo vệ tăng 66.807 ha, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh giảm 38.051 ha, trồng mới tăng 8.307 ha. Việc thực hiện công tác khoán bảo vệ rừng trong thời gian qua đã duy trì ổn định diện tích rừng trên các lâm phần được khoán, hạn chế nạn chặt phá rừng trái phép. Công tác khoanh nuôi xúc tiến tái sinh là chủ trương đúng đắn vừa tiết kiệm nhưng mang lại hiệu quả kinh tế cao. Độ che phủ rừng tăng từ 43% năm 2008 lên 47,2% năm 2012.

f) Phát triển công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn tiếp tục phát triển. Các dịch vụ phục vụ kinh tế nông nghiệp, nông thôn được đầu tư phát triển đa dạng hơn; đã quy hoạch, đầu tư xây dựng một số khu, cụm công nghiệp góp phần chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn và phân bố lại lao động trong khu vực nông thôn; thúc đẩy sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn phát triển; tăng thu nhập cho người lao động, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cộng đồng dân cư nông thôn. Tính đến quý I năm 2013, toàn tỉnh có 22.872 cơ sở sản xuất công nghiệp ở nông thôn, tăng 4.054 cơ sở so với năm 2008 và có 66 làng nghề được công nhận theo Nghị định 66/2006/NĐ-CP của Chính phủ, các làng nghề hoạt động trên lĩnh vực sản xuất công cụ, dụng cụ và hàng tiêu dùng, trồng cây hoa cảnh là những làng nghề hoạt động có hiệu quả.

Dịch vụ ở nông thôn đang phát triển nhanh, tạo ra thành quả bước đầu về kết quả của sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn. Hệ thống dịch vụ ở nông thôn ngày càng phát triển mạnh và đa dạng như: dịch vụ thương mại, tài chính, kỹ thuật cây trồng, vật nuôi, nước sinh hoạt, cơ khí nông thôn, vận tải, y tế, văn hoá,... Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2008 - 2012 khoảng 12% - 13%/năm, đưa tỷ trọng GDP dịch vụ trong GDP kinh tế nông thôn từ 34,9% năm 2008 lên 38,6% năm 2012. Tỷ lệ lao động trong lĩnh vực dịch vụ ở nông thôn tăng 5,9% từ 15,7% năm 2008 lên 21,6% năm 2012.

2. Xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông nghiệp, nông thôn

a) Đầu tư nâng cấp hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp

Thủy lợi: Tổng số hồ chứa nước trên địa bàn tỉnh hiện nay là 159 hồ, với tổng dung tích nước là 568 triệu m³, đáp ứng tưới được 77% diện tích đất sản xuất nông nghiệp; toàn tỉnh Bình Định hiện có 445 km bờ sông, trong đó đã xây dựng 177 km đê sông bảo đảm an toàn trong phòng, chống lụt bão. Tính đến năm 2012, tổng chiều dài hệ thống kênh mương toàn tỉnh là 2.194 km, trong đó có 290 km

kênh mương loại 2 và 1.904 km kênh mương loại 3, hiện nay toàn tỉnh đã kiên cố và xây dựng theo hướng kiên cố được 779 km kênh mương, chiếm 36,4% chiều dài kênh mương cần kiên cố.

Giao thông nông thôn: Năm 2011, kết hợp từ nhiều nguồn vốn và lồng ghép từ các chương trình mục tiêu khác các địa phương trong tỉnh đã phát triển mạnh mạng lưới giao thông nông thôn đến từng thôn, xóm, nội đồng... Đến cuối năm 2011 là 3.943 km, trong đó số km đã được bê tông hóa là 2.533 km (đạt tỷ lệ 64,24%), tăng 125 km so với năm 2010; đến cuối năm 2012 là 4.130 km, trong đó số km được bê tông hóa là 2.720 km (chiếm tỷ lệ 65,86%), tăng 187 km so với năm 2011.

Hệ thống lưới điện nông thôn: Giai đoạn 2006 - 2010, đã đầu tư mới đường dây các loại (đường dây 220kv; 110kv, 35kv...) là 845,2 km; đầu tư cải tạo đường dây 0,4kv là 855,5 km; xây dựng 03 trạm biến áp 110kv dung lượng 149MVA; xây dựng 588 trạm biến áp. Tính đến năm 2012, tổng chiều dài đường dây trung áp 1.206 km, số trạm biến áp phân phối là 957 trạm, với tổng công suất 125.554KVA; tổng chiều dài đường dây hạ áp là 2.555 km, trong đó số km đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện là 1.644 km (chiếm 64,3%).

Cơ sở hạ tầng dịch vụ kỹ thuật phục vụ nông nghiệp: Toàn tỉnh hiện có 117 cơ sở sản xuất, cung ứng các loại giống cây trồng (trong đó, 74 cơ sở sản xuất, cung ứng giống cây nông nghiệp và 43 cơ sở sản xuất, cung ứng giống cây lâm nghiệp) và một số công ty tư nhân đang thu mua và cung ứng các loại giống cây trồng khác. Có 03 cơ sở nghiên cứu, khảo nghiệm, sản xuất và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật giống vật nuôi; 19 đơn vị thụ tinh nhân tạo lợn với 90 lợn đực giống; 46 cơ sở chăn nuôi lợn giống bố mẹ với 1.792 con nái sinh sản; 02 cơ sở sản xuất gà giống của doanh nghiệp tư nhân với mô quy lớn. Có 01 trung tâm giống thủy sản thuộc tỉnh với 03 cơ sở nghiên cứu, khảo nghiệm, sản xuất và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật giống thủy sản, ngoài ra trên địa bàn tỉnh có 24 đơn vị sản xuất, kinh doanh tôm giống. Hầu hết các cơ sở hạ tầng dịch vụ sản xuất hàng năm được đầu tư, nâng cấp nhằm phục vụ tốt sản xuất nông nghiệp.

Nâng cấp các cơ sở nghiên cứu, khoa học, kỹ thuật phục vụ nông nghiệp: Tính đến nay có 4 dự án đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ nông - lâm - ngư nghiệp với tổng mức vốn đầu tư 19.689 triệu đồng (trong đó: Dự án cải tạo và nâng cấp hệ thống thủy lợi thuộc Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Duyên hải Nam Trung bộ, với tổng kinh phí là 9.899 triệu đồng; Dự án tăng cường thiết bị Khoa học Công nghệ cho phòng Thí nghiệm tổng hợp, với tổng kinh phí là 3.500 triệu đồng; Dự án tăng cường thiết bị Khoa học Công nghệ cho Trung tâm Nghiên cứu Phát triển cây lâu năm (Cát Hanh, Phù Cát), với tổng kinh phí là 3.500 triệu đồng; Dự án xây dựng cơ sở chuẩn đoán xét nghiệm dịch bệnh gia súc, gia cầm và thủy sản, với tổng kinh phí là 2.790 triệu đồng).

Nâng cấp cơ sở chế biến, bảo quản nông - lâm - ngư nghiệp: Những năm qua tỉnh đã có nhiều chính sách khuyến khích nhằm thu hút đầu tư vào lĩnh vực

chế biến, bảo quản phục vụ nông - lâm - ngư nghiệp như hỗ trợ tiền thuê đất, hỗ trợ tiền thuế thu nhập doanh nghiệp, hỗ trợ bồi thường giải phóng mặt bằng, hỗ trợ đào tạo phát triển nguồn nhân lực, hỗ trợ xúc tiến thương mại, hỗ trợ hạ tầng kỹ thuật... Tuy nhiên do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế nên tình hình sản xuất kinh doanh của các cơ sở chế biến, bảo quản phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp trên địa bàn tỉnh không thuận lợi, một số đơn vị phải giải thể. Hiện nay, toàn tỉnh có khoảng 17 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chế biến nông sản; 450 cơ sở chế biến lâm sản (trong đó có 170 doanh nghiệp có quy mô lớn, 80 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chế biến gỗ, 18 doanh nghiệp sản xuất giấy); 02 doanh nghiệp chế biến muối; 104 cơ sở chế biến thủy sản (trong đó có 6 nhà máy đông lạnh và khoảng 98 cơ sở chế biến, mua gom thủy hải sản); 41 doanh nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm và 38 doanh nghiệp sản xuất đồ uống. Để cải thiện tình hình trên, các doanh nghiệp đã mở hướng sang chế biến các sản phẩm tinh chế, có giá trị kinh tế cao hơn và chủ động gắn kết giữa chế biến với xây dựng vùng nguyên liệu, đẩy mạnh liên kết theo hợp đồng giữa nhà máy với người nông dân.

b) Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng theo tiêu chí nông thôn mới

Giao thông nông thôn: Trong những năm qua, Đảng, Nhà nước đã xây dựng và ban hành nhiều chủ trương, chính sách để đẩy nhanh việc phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nói chung và giao thông nông thôn nói riêng nhằm thay đổi bộ mặt nông thôn và không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân. Kết hợp từ nhiều nguồn vốn và vốn lồng ghép từ các chương trình mục tiêu khác nhau (chương trình 30a, chương trình 134, chương trình 135, chương trình hỗ trợ các xã bãi ngang, chương trình xây dựng nông thôn mới...), đến năm 2012, toàn tỉnh đã bê tông 2.720 km/4.130 km giao thông nông thôn, chiếm tỷ lệ 65,86%, tăng 673 km so với năm 2008 (2.047km, tỷ lệ 59,38%). Hiện nay hệ thống giao thông trên địa bàn các xã của tỉnh về cơ bản đường trục xã, liên xã đã đạt chuẩn; đường trục thôn, xóm được cứng hóa khoảng 70% ở đồng bằng, 50% ở miền núi; đường ngõ xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa đạt khoảng 45%; đường trục chính nội đồng đạt chuẩn khoảng 10%.

Điện nông thôn: Tiếp tục được nâng cấp, mở rộng mạng lưới điện nông thôn. Đến nay tỷ lệ đường dây hạ áp đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện chiếm 64,3%; số xã sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn theo yêu cầu kỹ thuật đạt 36,2%; số công tơ điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật đạt 41,1%, trong đó: hệ thống điện ở các xã thuộc ngành điện quản lý số công tơ đảm bảo yêu cầu kỹ thuật đạt 100%, đối với các xã hệ thống điện do địa phương quản lý số công tơ điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật đạt 20%.

Trường học: Tiến hành đầu tư xây dựng các công trình phòng học, phòng bộ môn, nhà công vụ cho giáo viên, mua sắm thiết bị dạy học... Đến nay, số phòng học được xây dựng kiên cố đối với giáo dục mầm non đạt 46%, giáo dục tiểu học đạt 63%, giáo dục trung học cơ sở đạt 86%; tỷ lệ trường học có cơ sở vật chất được công nhận đạt chuẩn quốc gia, gồm: Giáo dục mầm non, chiếm tỷ lệ 10% (tăng

3,5% so với năm 2010), giáo dục tiểu học, chiếm tỷ lệ 61% (tăng 17,4% so với năm 2010), giáo dục trung học cơ sở, chiếm tỷ lệ 63% (tăng 34% so với năm 2010).

Trạm xá: Y tế cơ sở ngày càng được củng cố và phát triển. Cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế tại các trạm y tế cơ bản đáp ứng nhu cầu công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe ban đầu cho nhân dân địa phương. Đội ngũ cán bộ y tế tiếp tục phát triển cả về chất và lượng. Tổng kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị y tế từ năm 2008 đến năm 2012 là 602.740 triệu đồng, trong đó: Ngân sách Trung ương 487.828 triệu đồng, ngân sách địa phương 110.562 triệu đồng, các nguồn khác 4.350 triệu đồng.

Cơ sở vật chất văn hóa: Số xã có nhà văn hóa chiếm tỷ lệ 36,5%; 100% số xã có trung tâm học tập cộng đồng lồng ghép một số hoạt động xây dựng đời sống văn hóa cơ sở; nhà văn hóa thôn chiếm tỷ lệ 43,8% ở khu vực nông thôn. Nhìn chung, đến nay vẫn chưa có địa phương nào có trung tâm văn hóa - thể thao xã, nhà văn hóa - khu thể thao thôn đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Chợ: Toàn tỉnh có 148 chợ nông thôn, trong đó chợ hạng I là 8 chợ (chiếm 5,4%), chợ hạng II là 25 chợ (chiếm 16,9%) và chợ hạng III là 115 chợ (chiếm 77,7%); có 23 chợ đạt chuẩn theo quy định của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới (chiếm 15,54%), trong đó, khu vực nông thôn của tỉnh chỉ có 02 chợ Phú Đa, xã Nhơn An và Tân Lập, xã Nhơn Lộc, thị xã An Nhơn theo quy hoạch đạt chuẩn theo quy định.

Bưu chính, viễn thông: Tình hình phát triển mạng lưới viễn thông và công tác quản lý hạ tầng viễn thông, internet đã cơ bản đáp ứng nhu cầu thông tin liên lạc trên địa bàn tỉnh. Hiện nay, 100% số xã trên địa bàn tỉnh có điểm phục vụ bưu chính, viễn thông; 99,3% số thôn trên địa bàn tỉnh có internet đến thôn; 89% số xã có tuyến cáp các loại dẫn đến trung tâm xã, tạo điều kiện cho nhân dân tiếp cận và truy nhập internet phục vụ cho đời sống xã hội.

Nhà ở dân cư: Trong những năm qua, nhờ kinh tế phát triển, đời sống dân cư nông thôn không ngừng tăng lên, cùng với nhiều chính sách giảm nghèo của Chính phủ, sự hỗ trợ của các ngành, các cấp, các tổ chức, doanh nghiệp, các nhà hảo tâm... đã tạo điều kiện phát triển nhà ở nông thôn. Số hộ dân cư nông thôn có nhà ở được xây dựng kiên cố chiếm 70,9%; nhà bán kiên cố chiếm 27,1%; nhà thiếu kiên cố và đơn sơ chiếm 2,9% tập trung chủ yếu các huyện Vân Canh, Vĩnh Thạnh, An Lão, Hoài Ân và một số xã ven biển thuộc thành phố Quy Nhơn, Phù Mỹ, Phù Cát và Tuy Phước.

c) Đầu tư nâng cấp hạ tầng phòng chống thiên tai và biến đổi khí hậu

Nhìn chung trong thời gian qua các sở, ban, ngành và địa phương đã có những giải pháp, phương án phòng chống và giảm nhẹ thiên tai tích cực, chuyển

từ bị động đối phó sang chủ động phòng tránh, thích nghi dần với thiên tai. Đã xây dựng 3.805 ngôi nhà, 1.271 phòng học kiên cố kết hợp tránh lũ; hoàn chỉnh 177 km đê kè chống lũ lụt và sạt lở; bảo đảm an toàn 159 hồ chứa nước, sửa chữa nâng cấp 19 hồ chứa nước; bảo vệ và trồng mới 222.340 ha rừng đầu nguồn, 150 ha rừng ngập mặn, độ che phủ rừng đạt 47,2%. Các sở chuyên ngành đã phối hợp với các trường đại học, cơ quan khoa học nghiên cứu về thiên tai, bão, lũ để lập bản đồ nguy cơ lũ quét, bản đồ nguy cơ ngập lụt; lập quy hoạch chi tiết tiêu úng thoát lũ cho khu vực hạ lưu sông Hà Thanh, khu công nghiệp Nhơn Hòa; xây dựng quy hoạch di dân dân ở các vùng thường xảy ra thiên tai; triển khai một số dự án trong chương trình quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu; lồng ghép nội dung phòng chống giảm nhẹ thiên tai trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Lực lượng Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn được củng cố và phát triển. Năng lực tìm kiếm, cứu nạn của các lực lượng công an, bộ đội, biên phòng, các đoàn thể xã hội và các địa phương được nâng lên một bước, thường xuyên được tập huấn và diễn tập. Trang thiết bị phục vụ phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn được bổ sung. Nhờ vậy đã hạn chế được thiệt hại về người, tài sản và cơ sở hạ tầng.

Sự phối hợp, điều hành trong chỉ đạo, chỉ huy phòng tránh, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai giữa các cấp, các ngành, các địa phương ngày càng chặt chẽ và có hiệu quả. Đã phối hợp xử lý kịp thời một số tình huống phức tạp, điều tiết xả lũ hợp lý các hồ chứa nước lớn, hạn chế ngập lụt vùng hạ lưu; di chuyển dân vùng ngập lụt đến nơi an toàn; xử lý ô nhiễm môi trường, ngăn chặn dịch bệnh bùng phát trong và sau lụt, bão; cứu hộ, cứu nạn trên biển.

Công tác giáo dục, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về phòng, tránh, giảm nhẹ thiên tai được quan tâm thực hiện với nhiều hình thức đa dạng. Tổ chức tập huấn, diễn tập phòng ngừa ứng phó thảm họa cho 38 xã với 950 lượt người. Tăng thời lượng truyền thông trên báo, đài phát thanh truyền hình phổ biến kiến thức phòng chống, giảm nhẹ thiên tai; thông tin kịp thời về diễn biến thiên tai và công tác ứng phó với thiên tai. Các đội thanh niên xung kích được củng cố, phát triển là lực lượng nòng cốt trong công tác phòng chống và khắc phục hậu quả bão, lụt ở các địa phương.

3. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của dân cư nông thôn

a) Nâng cao thu nhập, giảm hộ nghèo, đào tạo nghề, tạo việc làm

Trong thời gian qua nhờ thực hiện các chính sách phát triển kinh tế và an sinh xã hội của Đảng và Nhà nước, đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được cải thiện. Thu nhập bình quân đầu người năm sau cao hơn năm trước. Năm 2012, khu vực nông thôn là 18,8 triệu đồng/người/năm, so với năm 2008 (8,9 triệu đồng/người/năm) tăng 9,82 triệu đồng/người/năm.

Tính đến cuối năm 2012 tổng số hộ nghèo theo chuẩn mới trên địa bàn tỉnh còn 46.052 hộ nghèo, chiếm 11,62%, (giảm 1,94% so năm 2011), trong năm có 6.831 hộ thoát nghèo; có 3.982 hộ nghèo mới và tái nghèo.

Thực hiện chính sách bảo hiểm y tế, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế tăng từ 55% năm 2009 lên 63,5% năm 2012. 100% người nghèo được nhà nước hỗ trợ kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế, 100% trẻ em dưới 6 tuổi được cấp thẻ bảo hiểm y tế và khám chữa bệnh miễn phí tại các cơ sở công lập.

Tỷ lệ lao động được đào tạo nghề năm 2012 đạt 40%, tăng 8% so năm 2008. Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên năm 2012 là 80%.

b) Giải pháp và chính sách giải quyết đời sống, việc làm cho người dân bị thu hồi đất

Giải quyết đời sống, việc làm cho người dân bị thu hồi đất trong những năm qua được Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh và các cấp hết sức quan tâm bằng các giải pháp tạo việc làm thông qua các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, các chương trình mục tiêu quốc gia về đào tạo nghề, giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, xuất khẩu lao động... như hỗ trợ đào tạo nghề ngắn hạn được nhà nước hỗ trợ chi phí học nghề theo quy định tại Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ; học nghề trình độ trung cấp, cao đẳng được nhà nước trả học phí cho một khóa học được bố trí từ kinh phí hỗ trợ chuyển đổi nghề; cho vay vốn tín dụng để tự tạo việc làm; hỗ trợ tạo việc làm trong nước; hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng... Bên cạnh các chính sách của nhà nước về giải quyết việc làm và dạy nghề cho người lao động theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg, Quyết định số 52/2012/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ,... Ủy ban nhân dân tỉnh cũng đã ban hành nhiều chính sách để hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm, ổn định đời sống cho người lao động từ ngân sách tỉnh theo Quyết định số 298/QĐ-UBND, Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 18/6/2012,... góp phần ổn định việc làm, nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống cho người dân.

c) Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững theo Nghị quyết 30a

Sau 4 năm (2009 - 2012) thực hiện Nghị quyết 30a tỷ lệ hộ nghèo ở 3 huyện nghèo Vân Canh, Vĩnh Thạnh, An Lão giảm xuống. Cơ sở hạ tầng được đầu tư nâng cấp, có 247 công trình đã được xây dựng và đi vào sử dụng bao gồm: giao thông, thủy lợi, giáo dục, y tế, điện... đã góp phần thúc đẩy các huyện nghèo hoàn thành cơ bản kết cấu hạ tầng nông thôn. Ngoài ra, các chính sách hỗ trợ sản xuất, tạo việc làm tăng thu nhập cho người dân, trong đó tập trung là các đối tượng hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số đã giúp nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống về vật chất và tinh thần, góp phần đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội của các huyện nghèo, từng bước thực hiện thành công công cuộc xóa nghèo nhanh và bền vững ở các địa phương trên. Tổng kinh phí hỗ trợ là 402.210 triệu đồng, trong đó

đầu tư cho cơ sở hạ tầng 338.000 triệu đồng, hỗ trợ sự nghiệp 64.214 triệu đồng, kết quả thể hiện trên các mặt sau:

Chính sách bảo hiểm y tế: Chính sách hỗ trợ thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số và hỗ trợ một phần kinh phí đóng thẻ bảo hiểm y tế cho người cận nghèo là chính sách an sinh nhận được sự đồng thuận rất cao của người dân và xã hội. Qua 5 năm qua, đã thực hiện mua cấp thẻ bảo hiểm y tế cho 836.000 lượt người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, tổng kinh phí là 358.000 triệu đồng; có khoảng 80.000 người cận nghèo được nhà nước hỗ trợ một phần mệnh giá thẻ bảo hiểm y tế.

Chính sách về giáo dục: Trong những năm qua đã thực hiện hỗ trợ miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí cho hơn 250.000 ngàn lượt học sinh, sinh viên con em hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số, nhân dân tại các xã biên giới, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, tổng kinh phí hỗ trợ hơn 320.000 triệu đồng.

Chính sách vay vốn: Trong 5 năm qua Ngân hàng chính sách xã hội đã triển khai cho hơn 258.629 lượt hộ nghèo vay từ nguồn vốn tín dụng ưu đãi thông qua các chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội. Tổng số dư nợ cho vay đến cuối năm 2012 là 2.129.269 triệu đồng, trong đó tập trung cho vay các đối tượng: hộ nghèo; học sinh, sinh viên; cho vay giải quyết việc làm; xuất khẩu lao động; nước sạch và vệ sinh môi trường; xây dựng nhà ở; cho vay dự án trồng rừng WB3.

Chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân: Thực hiện Quyết định 2409/QĐ-TTg ngày 19/12/2011 về hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, đến năm 2012 đã thực hiện hỗ trợ tiền điện cho 114.594 lượt hộ nghèo, kinh phí thực hiện 37.551,180 triệu đồng. Thực hiện Quyết định số 471/QĐ-TTg ngày 30/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ đã hỗ trợ, trợ cấp khó khăn cho 61.711 hộ nghèo, với tổng kinh phí 15.427,750 triệu đồng; hỗ trợ hộ nghèo trong các dịp đồ lúa, giáp hạt hằng năm với tổng số lương thực 14.112 tấn.

Chính sách hỗ trợ các xã đặc biệt khó khăn, bãi ngang ven biển và hải đảo: Trong thời gian qua, thực hiện hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho 20 xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo ở các huyện Hoài Nhơn, Phù Mỹ, Phù Cát, Tuy Phước và thành phố Quy Nhơn. Tổng số 183 công trình được hỗ trợ đầu tư phục vụ dân sinh như: đường ra cảng cá, bến cá; chợ thu mua thủy sản, kè chống xói lở, triều cường, đường bê tông xi măng... tổng kinh phí hỗ trợ 131.809 triệu đồng, trong đó: kinh phí Trung ương là 92.076 triệu đồng, kinh phí địa phương và huy động từ cộng đồng là 39.733 triệu đồng.

Chính sách về nhà ở cho hộ nghèo: Thực hiện Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 12/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo giai đoạn 2008 - 2012, có 4.787 hộ nghèo được hỗ trợ nhà ở, tổng kinh phí hỗ trợ 137.447 triệu đồng, trong đó: kinh phí Trung ương là 35.315 triệu đồng, kinh phí địa

phương là 3.210 triệu đồng, vốn vay từ ngân hàng chính sách xã hội là 38.296 triệu đồng, huy động từ cộng đồng, doanh nghiệp là 60.625 triệu đồng.

d) Nâng cao chất lượng cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá khu dân cư, bài trừ các hủ tục, thực hiện nếp sống mới ở nông thôn

Trong những năm qua, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư” do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát động được nhân dân hưởng ứng tích cực, tạo khí thế sôi nổi trong cộng đồng dân cư nông thôn và đạt một số kết quả tích cực. Các danh hiệu “Gia đình văn hoá”, “Làng văn hoá”, “Thôn văn hoá” ngày càng được nhân rộng. Công tác xây dựng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư” ở nông thôn từng bước phát triển và đi vào chiều sâu. Đến nay, có 330.402/368.030 hộ được công nhận gia đình văn hoá, chiếm tỷ lệ 89,78% tổng số toàn tỉnh; 464/614 làng được công nhận làng văn hoá, chiếm tỷ lệ 75,5%.

4. Về đổi mới và xây dựng các hình thức tổ chức sản xuất dịch vụ có hiệu quả ở nông thôn

a) Thực hiện cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã

Kinh tế trang trại: Phát triển kinh tế trang trại luôn được các cấp, các ngành quan tâm, chỉ đạo và tổ chức phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh, kinh tế trang trại của tỉnh đã từng bước hình thành và phát triển đa dạng, đã và đang không ngừng tác động tích cực đến kinh tế - xã hội ở nhiều vùng nông thôn trong tỉnh. Các chính sách khuyến khích phát triển trang trại đã và đang được triển khai thực hiện như: chính sách đất đai, chính sách vay vốn, chuyển giao khoa học, kỹ thuật, tiêu thụ sản phẩm... Tuy nhiên việc thực hiện các chính sách còn một số hạn chế như chậm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các chủ trang trại đã ảnh hưởng đến việc vay vốn để phát triển sản xuất của chủ trang trại; chậm phổ biến và hỗ trợ ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nên năng suất, chất lượng sản phẩm chưa đạt yêu cầu, vì thế sức cạnh tranh yếu... Theo thống kê đến cuối năm 2012 toàn tỉnh có 30 trang trại tăng 76,5% so với năm 2011. Các trang trại đã tạo ra khối lượng sản phẩm hàng hoá tương đối lớn. Tổng thu từ nông, lâm nghiệp và thủy sản bình quân 1 trang trại là 1.802,3 triệu đồng/trang trại, tăng 0,1% so với năm 2011, đã góp phần tăng thu nhập đáng kể cho người nông dân. Số lượng trang trại theo tiêu chí mới hiện nay không nhiều, nhưng kinh tế trang trại đã và đang khẳng định vai trò và vị trí trong nền kinh tế thị trường, góp phần chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn.

Hợp tác xã: Đến nay, toàn tỉnh có 164 hợp tác xã, so với năm 2008 giảm 25 hợp tác xã do giải thể hợp tác xã yếu kém và sáp nhập, hợp nhất các hợp tác xã có quy mô nhỏ. Kết quả xếp loại hợp tác xã năm 2012 của các huyện, thị xã, thành phố theo Thông tư số 01/TT-BKH của Bộ Kế hoạch và Đầu tư như sau: hợp tác xã

đạt loại khá: 62 hợp tác xã, chiếm 37,80%; hợp tác xã đạt loại trung bình: 70 hợp tác xã, chiếm 42,7%; hợp tác xã đạt loại yếu: 32 hợp tác xã, chiếm 19,50%. Trong những năm qua, nhờ chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã đã tạo điều kiện cho các hợp tác xã phát triển, kết quả thể hiện trên các mặt sau: có 91/164 (55,4%) số hợp tác xã nông nghiệp được nhà nước giao đất; có 10 hợp tác xã nông nghiệp được vay vốn tín dụng, tổng giá trị được vay là 1.500 triệu đồng; cán bộ hợp tác xã được hỗ trợ 50% kinh phí để đào tạo, bồi dưỡng; ngoài ra, các hợp tác xã được ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp đối với phần thu nhập từ các hoạt động dịch vụ phục vụ sản xuất, kinh doanh của xã viên theo quy định của pháp luật về thuế; được đầu tư xây dựng, sửa chữa một số công trình hạ tầng phục vụ nông nghiệp, nông thôn như giao thông, điện, nước sinh hoạt, công trình thủy lợi... Đồng thời, thông qua hoạt động của các hệ thống khuyến nông, khuyến ngư, khuyến lâm, hàng năm Nhà nước hỗ trợ một số hợp tác xã chuyển giao tiến bộ, kỹ thuật, công nghệ về trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và ngành nghề nông thôn, xã viên và nông dân đã góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và giải quyết việc làm cho một bộ phận lao động nông thôn. Bước đầu đã gắn kết giữa doanh nghiệp với hợp tác xã và xã viên trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông, lâm nghiệp do các hộ dân sản xuất ra theo Quyết định 80 của Thủ tướng Chính phủ.

Phát triển tổ hợp tác: Thực hiện Nghị định số 151/NĐ-CP ngày 10/10/2007 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của tổ hợp tác. Trong những năm qua, tình hình hoạt động của các tổ hợp tác trong tỉnh đã sự phát triển đáng kể, số tổ hợp tác thành lập mới ngày càng nhiều chủ yếu trên lĩnh vực thủy sản. Đến tháng 8 năm 2012, toàn tỉnh có 260 tổ hợp tác, tăng 116 tổ so với năm 2011; trong đó: có 20 tổ hợp tác nông nghiệp, 240 tổ hợp tác trên lĩnh vực thủy sản với tên gọi tổ đoàn kết khai thác thủy sản trên biển (có 804 tàu cá tham gia). Việc triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển tổ hợp tác chưa được các cấp, các ngành quan tâm đúng mức do đó nhận thức của người dân về tổ hợp tác còn mơ hồ, chưa đầy đủ. Vì vậy, thời gian đến cần đẩy mạnh công tác phổ biến tuyên truyền sâu rộng và vận động người dân tiếp tục củng cố và phát triển tổ hợp tác theo quy định của pháp luật.

b) Sắp xếp, đổi mới các doanh nghiệp nhà nước trong nông nghiệp

Thực hiện Quyết định số 187/1999/QĐ-TTg ngày 16/9/1999 và Nghị định 200/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 về sắp xếp, đổi mới các lâm trường quốc doanh trên địa bàn tỉnh Bình Định, đến nay trên địa bàn tỉnh có 16 Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên có vốn nhà nước trên 50%, trong đó có 3 công ty 100% vốn của nhà nước là Sông Côn, Hà Thanh và Quy Nhơn được chuyển đổi từ các lâm trường trước đây. Các công ty thực hiện phương thức liên doanh, liên kết với các thành phần kinh tế khác và nhân dân trồng rừng sản xuất theo cơ chế quản lý mới. Nhờ đầu tư trồng rừng thâm canh gắn với công tác quản lý bảo vệ tốt nên rừng trồng đạt năng suất và kinh doanh đạt hiệu quả. Sau hơn 10 năm triển khai, dù chưa đạt kết quả như mong muốn song trên địa bàn tỉnh Bình Định đã cơ bản

hoàn thành việc sắp xếp, đổi mới và phát triển các nông, lâm trường, chuyển đổi thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên và các ban quản lý rừng đặc dụng phòng hộ. Qua đó, một số đơn vị đã có chuyển biến tích cực, sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao.

c) Khuyến khích đầu tư tư nhân, FDI trong nông nghiệp, nông thôn

Thực hiện Nghị định số 61/2010/NĐ-CP ngày 04/6/2010 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Việc thu hút đầu tư tư nhân, FDI vào lĩnh vực nông lâm thủy sản và ngành nghề nông thôn của tỉnh nhìn chung còn nhiều khó khăn, hạn chế. Trong những năm qua, các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh còn ít. Đến nay, Bình Định có 3 dự án thực hiện theo Nghị định 61/NĐ-CP với tổng vốn đầu tư là 290 tỷ đồng; đối với dự án FDI trong lĩnh vực nông nghiệp, từ 1998 đến nay, Bình Định chỉ có 5 dự án FDI thuộc lĩnh vực lâm nghiệp và thủy sản với tổng vốn đầu tư 28.740.000 USD.

5. Phát triển nhanh nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học, công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực, tạo đột phá để hiện đại hóa nông nghiệp, công nghiệp hóa nông thôn

a) Kết quả nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất nông nghiệp

Trong những năm qua, tỉnh đã tập trung cho công tác nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ vào nông nghiệp, nông thôn. Từ năm 2008 đến nay, đã thực hiện 31 đề tài, dự án nghiên cứu về tuyển chọn các giống, cây con có năng suất chất lượng cao, các mô hình sản xuất đạt hiệu quả đã từng bước chuyển giao đưa vào sản xuất. Đồng thời ưu tiên ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất các loại giống cây, con, kỹ thuật canh tác, phòng trừ dịch bệnh, bảo quản, chế biến nông, lâm thủy sản nhằm tạo bước đột phá, nâng cao năng suất, chất lượng, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm. Ngoài ra, còn tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong nông, lâm, ngư nghiệp, trong các khâu tiếp thị, quảng bá thương hiệu sản phẩm, trong phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai. Đẩy mạnh hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến diêm, khuyến công, khuyến khích các thành phần kinh tế chuyển giao tiến bộ khoa học - công nghệ vào nông nghiệp, nông thôn.

b) Chương trình cơ giới hoá vào nông nghiệp

Cùng với sự phát triển của sản xuất nông nghiệp hàng hóa, mức độ cơ giới hóa trong nông nghiệp, nông thôn ở tỉnh ta đã phát triển khá nhanh, khá đa dạng ở hầu hết các khâu trước, trong và sau thu hoạch, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sản xuất nông nghiệp (với cây lúa: làm đất bằng máy 95%, sử dụng máy gieo sạ 55%, thu hoạch bằng máy 60%, đập tuốt 95%,...). Ứng dụng cơ giới hóa vào

sản xuất nông nghiệp đã góp phần tăng năng suất và chuyển dịch cơ cấu lao động trong nông nghiệp, nông thôn. Tuy nhiên, việc cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp chưa đồng đều giữa các vùng trong tỉnh; hiệu quả ứng dụng cơ giới còn thấp, chưa trang bị đồng bộ, hệ số sử dụng máy chưa cao. Cơ sở hạ tầng nông thôn còn nhiều bất cập, ruộng đất manh mún đã hạn chế khả năng ứng dụng cơ giới hóa trong nông nghiệp nông thôn.

c) Đào tạo nghề gắn với tạo việc làm cho lao động nông thôn theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện Quyết định 1956/2009/QĐ-TTg và Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 09/6/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt Dự án dạy nghề cho người nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo tỉnh Bình Định giai đoạn 2006 - 2010, ngành Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các sở, ban, ngành, các hội, đoàn thể và thông qua các phương tiện thông tin đại chúng với nhiều hình thức khác nhau tổ chức tuyên truyền thường xuyên, liên tục trong nhân dân về chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về học nghề và dạy nghề cho lao động nông thôn. Qua 5 năm thực hiện (2008 - 2012) kết quả đã đào tạo được 8.732 con em hộ nghèo; 2.365 con em thuộc người dân tộc thiểu số và đào tạo cho lao động nông thôn là 9.058 người, với tổng kinh phí thực hiện là 62.129,7 triệu đồng, trong đó kinh phí Trung ương 60.695 triệu đồng; kinh phí địa phương 1.434,7 triệu đồng; vốn huy động 257 triệu đồng. Bên cạnh đó còn triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp dạy nghề cho lao động; chính sách ưu đãi, trợ cấp xã hội đối với người học nghề. Kết quả có khoảng 80% số lao động nông thôn có việc làm, góp phần giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho lao động nông thôn.

d) Tăng cường năng lực hệ thống khuyến nông, thú y, bảo vệ thực vật và các dịch vụ sản xuất nông nghiệp

Hệ thống khuyến nông - khuyến ngư, thú y, bảo vệ thực vật từ tỉnh đến cơ sở từng bước được củng cố, hoàn thiện vững mạnh cả về số lượng và chất lượng. Cấp tỉnh có Trung tâm khuyến nông - khuyến ngư, Chi cục Thú y, Chi cục Bảo vệ thực vật; cấp huyện có Trạm Khuyến nông, Trạm Bảo vệ thực vật, Trạm Thú y; cấp xã có cán bộ khuyến nông, cán bộ thú y. Năm 2012, toàn tỉnh có 152 cán bộ khuyến nông xã, 147 cán bộ thú y xã, 900 cán bộ thú y thôn. Hiện nay chưa có cán bộ bảo vệ thực vật cấp xã. Hàng năm cán bộ khuyến nông, thú y, bảo vệ thực vật được bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn; trang thiết bị kỹ thuật được đổi mới và tăng cường nên đáp ứng cơ bản yêu cầu nhiệm vụ được giao. Các dịch vụ sản xuất nông nghiệp nhất là ở cơ sở cũng được hình thành và phát triển, từng bước đáp ứng đầy đủ yêu cầu phát triển sản xuất của người nông dân, được nông dân tin cậy, tiếp nhận.

6. Thực hiện các cơ chế, chính sách để huy động cao các nguồn lực, phát triển nhanh kinh tế nông thôn

a) Xây dựng và ban hành các chính sách huy động nguồn lực cho phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới

Trong những năm qua, để huy động nguồn lực cho phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới, tỉnh đã ban hành nhiều chính sách tạo điều kiện kinh tế nông thôn phát triển, cụ thể: chính sách khuyến khích giết mổ gia súc, gia cầm tập trung; hỗ trợ mạng lưới thú y cơ sở giai đoạn 2006 - 2010 và giai đoạn 2011 - 2015; hỗ trợ phát triển vùng nguyên liệu sản bền vững; hỗ trợ phát triển giống cây trồng giai đoạn 2006 - 2010 và 2010 - 2015; hỗ trợ phát triển giống cây lâm nghiệp giai đoạn 2006 - 2010 và 2010 - 2015; hỗ trợ phát triển giống vật nuôi giai đoạn 2006 - 2010 và 2010 - 2015; hỗ trợ phát triển giống thủy sản giai đoạn 2006 - 2010 và 2010 - 2015; chính sách khuyến khích phát triển làng nghề tiểu thủ công nghiệp giai đoạn 2006 - 2010... Ngoài ra, lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình hỗ trợ có mục tiêu và các chương trình, dự án khác trên cùng địa bàn nhằm huy động tối đa nguồn lực đầu tư, hỗ trợ cho chương trình xây dựng nông thôn mới của tỉnh.

b) Thực hiện chủ trương quy hoạch, bảo vệ đất lúa và bảo đảm lợi ích cho người trồng lúa

Thực hiện chủ trương quy hoạch, bảo vệ đất lúa, đảm bảo lợi ích cho người trồng lúa, hiện nay tỉnh Bình Định đã hoàn thành việc rà soát, bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đất đai trong đó chú trọng duy trì diện tích đất lúa nhằm đảm bảo lợi ích cho người trồng lúa và đã được Chính phủ phê duyệt tại Nghị quyết 45/NQ-CP ngày 29/03/2013 về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011 - 2015) tỉnh Bình Định. Công tác quản lý đất đai theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất sau phê duyệt được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo diện tích sản xuất lúa cho người dân. Diện tích canh tác lúa Đông Xuân hàng năm toàn tỉnh ước đạt 45.743,8 ha, đảm bảo đúng quy hoạch đất đai đã được chính phủ phê duyệt (theo quy hoạch năm 2013 diện tích đất chuyên trồng lúa nước 2 vụ trở lên là 44.211 ha). Bên cạnh đó, thực hiện có hiệu quả chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa nhằm duy trì, bảo vệ và phát triển quỹ đất cho nông nghiệp.

c) Kết quả huy động, sử dụng các nguồn lực

Nguồn lực đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn trong những năm qua tuy có tăng nhưng vẫn còn thấp, chưa đáp ứng với nhu cầu thực tế. Từ năm 2009 đến tháng 4 năm 2013, tổng nguồn vốn đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn là 8.038,3 tỷ đồng. Trong đó: vốn ngân sách Trung ương: 1.424,3 tỷ đồng; vốn Chương trình mục tiêu quốc gia: 1.014,9 tỷ đồng; vốn ngân sách tỉnh: 3.042,3 tỷ đồng; vốn tín dụng: 400,79 tỷ đồng; trái phiếu Chính phủ: 1.432,9 tỷ đồng; vốn ODA: 678,1 tỷ đồng; vốn dân góp: 45 tỷ đồng. Các nguồn vốn trên đã được bố trí trong kế hoạch hàng năm và đã thực hiện giải ngân đúng tiến độ.

7. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phát huy sức mạnh của các đoàn thể chính trị - xã hội ở nông thôn

a) Đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của đảng bộ, chi bộ cơ sở

Tiếp tục quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá X) về “Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên” và Chỉ thị số 10-CT/TW của Ban Bí thư (khoá X) về “Nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ” với việc thực hiện Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”. Ý thức học tập, tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống, tinh thần trách nhiệm và tác phong công tác của cán bộ, đảng viên có chuyển biến tốt. Các chi bộ thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện tự phê bình và phê bình, giữ nghiêm kỷ luật, tăng cường đoàn kết, phát huy dân chủ, liên hệ mật thiết với nhân dân, dựa vào dân để thực hiện công tác xây dựng đảng, xây dựng hệ thống chính trị. Tỷ lệ đảng viên tham gia sinh hoạt hàng tháng đạt từ 80% trở lên. Trong các buổi sinh hoạt hàng tháng, nhiều cấp ủy, chi bộ đã tổ chức nghiên cứu, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh và bước đầu tổ chức sinh hoạt chi bộ theo chuyên đề, vừa góp phần nâng cao nhận thức, bổ sung kiến thức mới cho đảng viên, vừa tạo được sự phong phú, hấp dẫn trong sinh hoạt đảng.

b) củng cố và nâng cao năng lực bộ máy quản lý nông nghiệp

Thực hiện Thông tư Liên tịch số 61/2008/TTLT-BNN-BNV ngày 15/5/2008 của liên Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Nội vụ, trong 5 năm qua, bộ máy quản lý nông nghiệp từ cấp tỉnh đến cấp huyện, xã được củng cố, tăng cường, nâng cao năng lực ở tất cả các lĩnh vực, bước đầu đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Đối với cấp tỉnh: Cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được tổ chức cơ bản phù hợp với đặc điểm, điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh. Cơ cấu tổ chức các cơ quan, đơn vị trực thuộc sở đảm bảo tham mưu, giúp sở thực hiện chức năng quản lý nhà nước và dịch vụ công về nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh có hiệu quả.

Đối với cấp huyện: 100% huyện, thị xã, thành phố có các tổ chức như phòng nông nghiệp và phát triển nông thôn (phòng kinh tế); trạm khuyến nông - khuyến ngư; trạm thú y; trạm bảo vệ thực vật; hạt kiểm lâm và các ban quản lý rừng phòng hộ đều được củng cố, kiện toàn, cơ bản tham mưu giúp ủy ban nhân dân huyện thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước về nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn. Các tổ chức sự nghiệp thực hiện tốt việc cung ứng các dịch vụ công và giúp cho cơ quan quản lý nhà nước cấp huyện thực hiện tốt nhiệm vụ của mình.

Đối với cấp xã, phường, thị trấn: Việc tham mưu chủ yếu thông qua đội ngũ cán bộ công chức chuyên trách theo dõi về lĩnh vực nông, lâm, diêm nghiệp, thủy

sản, thủy lợi và phát triển nông thôn (159 người/161 xã, phường, thị trấn). Ngoài ra, còn có đội ngũ nhân viên kỹ thuật nông nghiệp công tác trên địa bàn cấp xã với số lượng trên 1.405 người do ủy ban nhân dân xã trực tiếp tuyển dụng, trong đó nhân viên khuyến nông, khuyến ngư 152 người; nhân viên thú y 148 người; nhân viên thú y thôn 976 người.

c) Cải cách hành chính, nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ, công chức xã

Cán bộ chính quyền cơ sở đã nhận thức rõ hơn về thực hiện Pháp lệnh dân chủ, nâng cao ý thức và trách nhiệm phục vụ nhân dân, sửa đổi tác phong và lề lối làm việc theo hướng sát dân, giảm bớt quan liêu, gây phiền hà cho dân, hạn chế được tệ tham nhũng, ức hiếp nhân dân. Nhờ đó đã tác động trực tiếp việc động viên nhân dân tham gia xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở.

Tại trụ sở ủy ban nhân dân xã niêm yết công khai các quy định về thủ tục hành chính, công khai các khoản phí, lệ phí, các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của xã. Tổ chức cho nhân dân bàn và quyết định trực tiếp những việc liên quan đến lợi ích chung của cộng đồng, chủ yếu việc huy động đóng góp của nhân dân xây dựng cơ sở hạ tầng và các công trình phúc lợi công cộng. Công khai hoá các hồ sơ thủ tục hành chính, mức thu lệ phí và quy trình thời gian giải quyết công việc, lịch tiếp dân. Nhờ vậy tiến độ giải quyết công việc hành chính và giải quyết đơn thư khiếu tố, khiếu nại của nhân dân được nhanh hơn, tốt hơn.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã trong những năm qua được triển khai thực hiện đạt kết quả đáng khích lệ. Từ năm 2008 đến năm 2012, bằng nguồn ngân sách tỉnh, các ngành, các cấp đã tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị, trình độ quản lý nhà nước, chuyên môn nghiệp vụ theo tiêu chuẩn ngạch, chức danh công chức cho 5.529 cán bộ, công chức, với tổng kinh phí 2.733 triệu đồng. Ngoài ra, bằng các nguồn vốn khác, đã tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho khoảng 5.529 lượt cán bộ, công chức. Do đó, chất lượng cán bộ, công chức cấp xã được nâng lên. Đội ngũ cán bộ công chức xã được trang bị trình độ chuyên môn, kiến thức về văn hoá công sở, trách nhiệm và đạo đức công vụ, kiến thức hội nhập, kỹ năng lãnh đạo, quản lý tiên tiến, năng lực tham mưu đề xuất hoàn thành có chất lượng, nhiệm vụ được giao, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ngày càng được cải tiến theo hướng sát dân, sát địa bàn.

d) Nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị xã hội ở nông thôn

Tiếp thu tinh thần Nghị quyết Trung ương 7 (khóa X), Đảng đoàn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh chỉ đạo Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tổ chức quán triệt triển khai nội dung Nghị quyết Trung ương 7 (khóa X) trong hệ thống Mặt trận và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh; xây dựng Chương trình hành động; xây dựng kế hoạch hướng dẫn Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức

thành viên các cấp triển khai thực hiện. Phối hợp với các tổ chức thành viên tăng cường công tác tuyên truyền, vận động hội, đoàn viên và các tầng lớp nhân dân hưởng ứng tham gia thực hiện. Mặt trận Tổ quốc từ tỉnh đến cơ sở đã tổ chức trên 120 hội nghị triển khai quán triệt Nghị quyết với hơn 10.000 lượt cán bộ, đảng viên tham dự.

Công tác củng cố kiện toàn tổ chức được Mặt trận Tổ quốc các cấp chú trọng, thường xuyên thay thế bổ sung đủ số lượng và nâng cao chất lượng hoạt động của đội ngũ cán bộ; đã thành lập 159 ban thanh tra nhân dân, ban giám sát đầu tư của cộng đồng xã, phường, thị trấn; 1.120 nhóm nòng cốt tuyên truyền và vận động nhân dân chấp hành pháp luật trong cộng đồng dân cư; 1.158 tổ hòa giải ở cơ sở.

Công tác chỉ đạo, phương thức hoạt động, hình thức phối hợp của Mặt trận ngày càng đa dạng, luôn bám sát chủ trương của cấp ủy đảng cùng cấp và hướng dẫn của cấp trên. Đồng thời chủ động tham mưu đề xuất với cấp ủy trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện; phối hợp với chính quyền và các đoàn thể xây dựng Quy chế, chương trình phối hợp công tác, từ đó phát huy trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ chính trị, xây dựng và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân thực hiện mục tiêu của Đảng.

Thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” được các cấp Mặt trận Tổ quốc tiếp tục duy trì triển khai thực hiện đạt kết quả thiết thực. Hàng năm, có 95% hộ gia đình và 100% khu dân cư đăng ký thực hiện và bình quân có 90% hộ gia đình đạt danh hiệu “Gia đình văn hóa”, 65% khu dân cư đạt danh hiệu “Khu dân cư văn hóa”. Cuộc vận động “Ngày vì người nghèo” được các cấp Mặt trận Tổ quốc tiếp tục triển khai và được các tầng lớp nhân dân tích cực hưởng ứng, thực hiện đạt kết quả. Từ năm 2000 đến 2012, Mặt trận Tổ quốc các cấp trong tỉnh đã vận động các tầng lớp nhân dân đóng góp Quỹ “Vì người nghèo” với số tiền 81,045 tỷ đồng và cùng với nguồn ngân sách các cấp đã hỗ trợ xây dựng 23.681 nhà ở cho hộ nghèo, góp phần xóa đói, giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân hàng năm của tỉnh là 2%, tạo niềm phấn khởi tin tưởng của nhân dân vào đường lối chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

8. Kiểm điểm, đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ cấp bách

a) Thực hiện rà soát, bổ sung, điều chỉnh các quy hoạch

Để thực hiện tốt nhiệm vụ rà soát, bổ sung, điều chỉnh các quy hoạch trong lĩnh vực nông nghiệp nhằm đưa công tác quản lý quy hoạch trên phạm vi toàn tỉnh vào nề nếp, sử dụng có hiệu quả nguồn vốn ngân sách nhà nước và đẩy mạnh thu hút đầu tư, ngành nông nghiệp đã tiến hành rà soát quy hoạch tổng thể ngành nông nghiệp và các quy hoạch của từng lĩnh vực đến năm 2020 như: Quy hoạch tổng thể ngành nông nghiệp đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2020; quy hoạch tổng thể phát triển ngành thủy sản Bình Định đến năm 2020, quy hoạch chuyên ngành cây mía

giai đoạn 2006 - 2010 và giai đoạn 2011 - 2020, tầm nhìn 2030; quy hoạch Quản lý và bảo vệ rừng giai đoạn 2011 - 2020; quy hoạch bảo tồn khu rừng đặc dụng An Toàn giai đoạn 2011 - 2020, xây dựng Đề án nâng cao năng lực ngành Thủy sản và ngành Kiểm lâm giai đoạn 2006 - 2010 và giai đoạn 2011- 2015; triển khai thực hiện quy hoạch các xã nông thôn mới trên địa bàn toàn tỉnh...

b) Đảm bảo tiến độ các công trình xây dựng cơ bản phục vụ sản xuất nông nghiệp, phòng chống thiên tai

Với mục tiêu thúc đẩy phát triển kinh tế nhanh và bền vững, thời gian qua tỉnh đã tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện đầu tư xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp, phòng chống thiên tai. Hàng năm bằng nguồn kinh phí của Trung ương và địa phương hỗ trợ tỉnh đã triển khai đầu tư nâng cấp, sửa chữa, khắc phục các đoạn đê, kè, hồ, đập kịp thời, đúng tiến độ đã đề ra.

Thực hiện đầu tư nâng cao năng lực phòng chống giảm nhẹ thiên tai bằng việc thực hiện các biện pháp thủy lợi và đối phó với biến đổi khí hậu toàn cầu, nhất là nước biển dâng. Trong những năm qua đã đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, đặc biệt là các công trình phòng, chống thiên tai như kiên cố hóa hồ đập, hệ thống đê sông, đê biển, đường cứu hộ, cứu nạn, một số công trình ngăn mặn, giữ ngọt đề ứng phó với hiện tượng nước biển dâng và chua mặn lấn sâu vào nội địa; đồng thời tăng cường công tác dự báo, dự tính bằng cách bố trí thêm một số trạm đo thủy văn, khí hậu ở vùng thượng nguồn và ven biển để đo đạc tính toán, cung cấp thông tin dự báo đầy đủ và tin cậy hơn. Ngoài ra, hàng năm có kế hoạch bố trí kinh phí để thực hiện đầu tư tái định cư tại các vùng thiên tai nhằm ổn định đời sống và sản xuất của người dân, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản do thiên tai gây ra.

c) Triển khai các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn nông thôn, nhất là Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh đang triển khai thực hiện nhiều chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn nông thôn như: giảm nghèo bền vững; việc làm và dạy nghề cho lao động nông thôn; dân số kế hoạch hóa gia đình; y tế; vệ sinh an toàn thực phẩm; nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; bảo vệ và phát triển rừng; khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường; xây dựng nông thôn mới;...

Các chương trình mục tiêu quốc gia được triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh đã tác động tích cực đến tình hình kinh tế - xã hội của địa phương; nhờ vận dụng các cơ chế chính sách phù hợp, lồng ghép các chương trình, dự án đang triển khai trên địa bàn và vận động nguồn lực của cộng đồng dân cư cùng tham gia đã đem lại những kết quả nhất định, nhất là Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, qua hai năm rưỡi triển khai thực hiện kết quả đạt được như sau:

Đã thành lập Ban chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh do đồng chí bí thư tỉnh ủy làm trưởng ban; thành lập thường trực Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới tỉnh do Phó Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Trưởng ban chỉ đạo làm trưởng ban; thành lập Văn phòng điều phối cấp tỉnh; phân công thành viên Ban chỉ đạo tỉnh phụ trách địa bàn các huyện, thị xã, thành phố và các xã điểm của tỉnh; phân công nhiệm vụ các sở, ban, ngành của tỉnh thực hiện các nội dung Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Đồng thời, thành lập Ban chỉ đạo của 11 huyện, thị xã, thành phố, thường trực Ban chỉ đạo Chương trình, tổ công tác giúp việc Ban chỉ đạo và ban hành Chương trình hành động về xây dựng nông thôn mới của huyện, thị, thành phố; đã bố trí 01 cán bộ chuyên trách theo dõi thực hiện Chương trình. Ngoài ra, 122 xã nông thôn trong tỉnh cũng đã thành lập Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã, do đồng chí Phó Bí thư thường trực Đảng ủy và đại diện các tổ chức hội đoàn thể tham gia Ban quản lý xã và thành lập các Ban phát triển thôn.

Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh đã tổ chức lễ phát động phong trào thi đua “Tỉnh Bình Định chung sức xây dựng nông thôn mới”. Tổ chức tuyên truyền, quán triệt các chủ trương, cơ chế, chính sách và nội dung cơ bản về xây dựng nông thôn mới cho toàn thể đảng viên của Đảng bộ 122 xã xây dựng nông thôn mới của tỉnh, với hơn 16.000 người tham dự. Tổ chức 04 hội thi Nhà nông đua tài với chủ đề “Nông dân xây dựng nông thôn mới” và 04 buổi tọa đàm về xây dựng nông thôn mới tại các xã điểm của tỉnh. Ngoài ra, đã xây dựng và phát sóng 03 chuyên đề, 10 phóng sự, 01 buổi tọa đàm với chủ đề “Tỉnh Bình Định xây dựng nông thôn mới” trên Đài Truyền hình Bình Định. Xây dựng và phát sóng các bài tuyên truyền về nông thôn mới trên Đài Phát thanh tỉnh; sao chép ra đĩa DVD để cung cấp cho đài truyền thanh của 122 xã xây dựng nông thôn mới của tỉnh. Hàng tháng đăng bài viết chủ đề “Tỉnh Bình Định xây dựng nông thôn mới” và các tin ngắn về xây dựng nông thôn mới của tỉnh trên Báo Bình Định. In 50.000 tờ rơi, nội dung về xây dựng nông thôn mới phát cho từng hộ gia đình tại 04 xã điểm và thành viên ban quản lý của 23 xã xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2015. Hàng tuần đưa tin các hoạt động và bài viết phản ánh về tình hình xây dựng nông thôn mới tại các địa phương trong tỉnh trên trang tin của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn...

Mục tiêu cụ thể của tỉnh Bình Định là đến năm 2015 có 20% số xã (tương ứng 27 xã) và đến năm 2020 có 50% số xã (tương ứng 64 xã) đạt chuẩn nông thôn mới. Qua hai năm rưỡi thực hiện Chương trình, đến tháng 4 năm 2013 kết quả rà soát, đánh giá thực trạng nông thôn theo 19 tiêu chí của các địa phương như sau: số xã đạt 14 tiêu chí: 02 xã, chiếm 1,6% (tăng 02 xã so với năm 2010); số xã đạt từ 9 đến 13 tiêu chí: 40 xã, chiếm: 32,8% (tăng 28 xã so với năm 2010); số xã đạt từ 5 đến 8 tiêu chí: 62 xã, chiếm: 50,8% (tăng 01 xã so với năm 2010); số xã đạt từ 1 đến 4 tiêu chí: 18 xã, chiếm: 14,8% (giảm 31 xã so với năm 2010).

Thực hiện công tác quy hoạch và lập đề án xây dựng nông thôn mới, đến nay đã có 65/122 xã phê duyệt quy hoạch xây dựng nông thôn mới và có 20/122

xã đã hoàn thành phê duyệt đề án xây dựng nông thôn mới. Dự kiến sẽ hoàn thành phê duyệt quy hoạch và đề án xây dựng nông thôn mới toàn bộ các xã trên địa bàn tỉnh trong quý II năm 2013.

Tổng nguồn vốn huy động đầu tư tại các xã xây dựng nông thôn mới của tỉnh trong 02 năm 2011, 2012 là 12.564,347 tỷ đồng; trong đó: vốn vay tín dụng để phát triển nông nghiệp, nông thôn: 10.219 tỷ đồng; vốn Trung ương, tỉnh và vốn lồng ghép các chương trình, dự án: 1.977,147 tỷ đồng; vốn ngân sách cấp huyện, thị xã, thành phố: 186 tỷ đồng; ngân sách xã: 110,1 tỷ đồng; vốn đóng góp của nhân dân: 57,1 tỷ và vốn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam hỗ trợ: 15 tỷ đồng.

d) Khắc phục nhanh những vấn đề bức xúc ở nông thôn, trước hết là những tồn tại liên quan tới vấn đề thu hồi đất

Trong những năm qua tỉnh Bình Định đã thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp cả cấp bách và lâu dài, trong đó có các giải pháp cơ bản sau đây:

Đối với chính sách áp dụng chung trên địa bàn tỉnh (ngoài Khu kinh tế Nhơn Hội), Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành một số chính sách sau: Quyết định số 16/2008/QĐ-UBND ngày 27/03/2008 về ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh (thay thế Quyết định số 108); Quyết định số 03/2009/QĐ-UBND ngày 15/01/2009 về ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh (thay thế Quyết định số 16); Quyết định số 02/2010/QĐ-UBND ngày 22/02/2010 quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định (thay thế Quyết định số 03); Quyết định số 50/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định (thay thế Quyết định số 02).

Việc thu hồi đất để đầu tư xây dựng các dự án được thực hiện đúng cơ chế, chính sách, trình tự, thủ tục quy định của pháp luật về đất đai. Kết quả thu hồi trên 175 trường hợp, với diện tích 7.221,85ha, trong đó có 9 dự án bị thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai (quá thời hạn 12 tháng không sử dụng đất hoặc quá 24 tháng không sử dụng đất), với diện tích 63,95ha.

Khắc phục những bất cập liên quan đến công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư. Căn cứ Luật Đất đai, Nghị định số 197/2004/NĐ-CP của Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định cụ thể hoá một số điều để bổ sung chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh. Trong đó, tập trung vào một số nội dung nhằm quy định bảo đảm quyền của người sử dụng đất khi bị thu hồi đất được bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho phù hợp với điều kiện của địa phương như: hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm; hỗ trợ cho các hộ gia đình không phải là hộ sản xuất nông nghiệp phải

dịch chuyển chỗ ở; hỗ trợ cho các hộ có người đang hưởng chế độ thương binh, gia đình liệt sĩ, gia đình có công cách mạng, hộ gia đình neo đơn,...

Tóm lại, sau khi Chính phủ ban hành Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 và Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 và các Thông tư hướng dẫn thực hiện của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh đã kịp thời chỉ đạo điều chỉnh, bổ sung chính sách bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư, bảo đảm tuân thủ theo quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế địa phương. Hầu hết người sử dụng đất bị thu hồi đồng tình với chính sách bồi thường của tỉnh đã ban hành, nên trong thời gian qua việc thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn tỉnh được triển khai thuận lợi hơn so với trước. Tuy nhiên, do việc xác định nguồn gốc đất đai rất phức tạp, chính sách bồi thường thay đổi, trình độ, năng lực cán bộ làm công tác bồi thường giải phóng mặt bằng của các hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng còn hạn chế, nên một số dự án thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng chậm, kéo dài gây phát sinh mâu thuẫn, nhất là việc áp dụng giá đất để tính bồi thường.

e) Tổ chức tốt việc triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (khóa X) về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên trên địa bàn nông thôn; củng cố bộ máy quản lý nhà nước về nông nghiệp

Tiếp tục quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về “Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên” và Chỉ thị số 10-CT/TW của Ban Bí thư (khóa X) về “Nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ”; các cấp ủy đã chú trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao nhận thức về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho cán bộ, đảng viên. Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo các cấp ủy đảng, các đảng đoàn và ban cán sự đảng gắn việc thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TW và Chỉ thị số 10-CT/TW với việc thực hiện Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” trong toàn Đảng bộ. Các huyện ủy, thị ủy và thành ủy đã tập trung củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng, chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên ở những xã xây dựng nông thôn mới như: nâng cao chất lượng hoạt động của hội đồng nhân dân cấp xã; nâng cao hiệu lực, hiệu quả của cơ quan hành chính cấp xã; thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ công chức cấp xã; bố trí, sử dụng cán bộ hoạt động không chuyên trách tại xã; tăng cường trí thức trẻ về làm Phó Chủ tịch xã tại các huyện An Lão, Vĩnh Thạnh, Vân Canh.

III - ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

1. Những mặt đạt được

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn là Nghị quyết mang tính toàn diện và đầy đủ

nhất để giải quyết vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Qua 5 năm thực hiện Nghị quyết, nền kinh tế của tỉnh tiếp tục tăng trưởng và phát triển. Cơ cấu kinh tế nông nghiệp tiếp tục chuyển dịch đúng hướng; diện tích, năng suất cây trồng, vật nuôi và nuôi trồng thủy sản tăng khá; hầu hết các chỉ tiêu và nhiệm vụ về sản xuất nông, lâm, thủy sản đều đạt kế hoạch. Công tác ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất tiếp tục có nhiều tiến bộ và đạt hiệu quả, nhất là thực hiện khảo nghiệm, chọn lọc, sử dụng giống mới, chương trình cấp I hóa giống lúa, phát triển lúa lai, ngô lai, giống vật nuôi, giống thủy sản; khảo nghiệm và sử dụng các giống cây trồng, vật nuôi mới. Cơ giới hoá trong sản xuất nông nghiệp phát triển khá.

Cơ sở hạ tầng nông thôn tiếp tục được đầu tư xây dựng nhất là giao thông, thủy lợi. Các cơ sở chế biến nông, lâm, thủy hải sản đang được hình thành, nhiều làng nghề truyền thống được khôi phục và phát triển góp phần giải quyết việc làm cho lao động nông thôn. Kinh tế nông thôn phát triển theo hướng tăng công nghiệp, dịch vụ và ngành nghề. Các hình thức tổ chức sản xuất ở nông thôn tiếp tục được đổi mới. Đời sống cư dân nông thôn ngày càng được nâng cao; tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 2%/năm. Các hoạt động văn hóa thể thao, các dịch vụ chăm sóc sức khỏe cộng đồng được đưa đến với người dân nông thôn, vùng sâu, vùng xa. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn nông thôn cơ bản được giữ vững.

2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.1 - Những tồn tại, hạn chế

Việc triển khai quán triệt Nghị quyết Trung ương 7 và Chương trình hành động của Tỉnh ủy ở một số địa phương chậm, chưa thật sâu rộng, xây dựng kế hoạch thực hiện Nghị quyết chưa kịp thời.

Vẫn còn một số bộ phận cán bộ, đảng viên các cấp và người dân chưa nhận thức đầy đủ về Nghị quyết.

Một số cán bộ lãnh đạo các cấp chưa nhận thức đúng và đầy đủ vai trò của nông nghiệp trong nền kinh tế. Chưa hiểu rõ yêu cầu cấp thiết của việc giải quyết các vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn là tất yếu để đảm bảo cho sự phát triển bền vững của quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. Chương trình xây dựng nông thôn mới chưa thực sự phát huy nội lực tại chỗ mà còn trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của nhà nước.

Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi còn chậm, chưa vững chắc. Năng suất, chất lượng một số cây trồng, vật nuôi tuy tăng khá, nhưng vẫn còn thấp so với tiềm năng; chất lượng sản phẩm một số cây trồng, vật nuôi còn chưa đủ sức cạnh tranh trên thị trường. Sâu bệnh, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi, thủy sản còn diễn biến phức tạp chưa thể giải quyết dứt điểm. Việc đầu tư phát triển các vùng nguyên liệu phục vụ chế biến chưa thật sự bền vững. Các vùng sản xuất tập trung trông trọt và chăn nuôi quy mô còn nhỏ và hiệu quả sản xuất chưa cao. Công

tác nghiên cứu, khảo nghiệm giống cây trồng vật nuôi, khuyến nông, khuyến ngư và chuyên giao tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất tuy có tiến bộ, nhưng vẫn chưa phổ cập rộng rãi trong sản xuất.

Kết cấu hạ tầng nông thôn tuy đạt được những kết quả nhất định, song vẫn còn yếu; nguồn lực đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn chưa đáp ứng so với nhu cầu sản xuất và dân sinh.

Đời sống vật chất và tinh thần của cư dân nông thôn vẫn còn thấp, chênh lệch giàu nghèo giữa thành thị và nông thôn còn lớn, tỷ lệ hộ nghèo tại một số xã miền núi vẫn còn cao, số hộ tái nghèo sau từng năm chiếm tỷ lệ lớn (40% - 50%) so với hộ thoát nghèo.

2.2 - Nguyên nhân

a) Nguyên nhân khách quan

Ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế thế giới kéo dài từ cuối năm 2008 đến nay chưa có dấu hiệu hồi phục; thiên tai, bão lũ, dịch bệnh cây trồng, vật nuôi liên tiếp xảy ra.

Một bộ phận dân cư nông thôn chưa thật hiểu rõ và đầy đủ Nghị quyết, còn tư tưởng trông chờ ỷ lại vào nhà nước, chưa chủ động phát huy nguồn lực tại chỗ để phát triển nông nghiệp, nông thôn.

b) Nguyên nhân chủ quan

Tổ chức thực hiện Nghị quyết còn nhiều bất cập. Công tác học tập nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết của Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn còn hạn chế, chưa chú trọng tổ chức thông tin, phổ biến rộng rãi đến người dân.

Tổ chức triển khai các cơ chế chính sách đã ban hành chưa thực sự quyết liệt, còn lúng túng, thiếu đồng bộ nên chưa kịp thời giải quyết những vấn đề bức xúc xã hội cũng như tháo gỡ những nút thắt căn bản của phát triển nông nghiệp, nông thôn. Một số chính sách đã ban hành nhưng hiệu quả thực hiện còn thấp do thiếu nguồn lực tài chính, thiếu nhân lực tương ứng hoặc do không quyết liệt trong triển khai thực hiện, thiếu kiểm tra, đôn đốc.

Công tác dự báo còn yếu, chưa lường hết được diễn biến phức tạp của tình hình và những khó khăn, thách thức nên xây dựng một số nhiệm vụ, mục tiêu, giải pháp chưa phù hợp. Năng lực vận dụng, cụ thể hóa, nhất là việc tổ chức thực hiện của cấp ủy, chính quyền, đơn vị, địa phương trên một số mặt còn hạn chế. Chưa tập trung đúng mức việc lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết một số vấn đề trọng tâm, lĩnh vực trọng điểm. Sự phối hợp giữa các sở, ngành; giữa sở, ngành với các địa

phương trong một số lĩnh vực thiếu chặt chẽ, đồng bộ. Trình độ, năng lực, ý thức tổ chức kỷ luật của một số cán bộ, đảng viên, tinh thần trách nhiệm người đứng đầu một số ngành, địa phương, đơn vị, cơ sở còn yếu.

3. Bài học kinh nghiệm

Cần tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến một cách thường xuyên và liên tục Nghị quyết Trung ương 7 (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn... tới cán bộ, đảng viên và người dân bằng nhiều hình thức khác nhau để tiếp tục nâng cao nhận thức và hành động trong phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn tinh nhà.

Cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ban, ngành, đoàn thể và các địa phương trong việc triển khai, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các nội dung hoạt động nhằm tạo sự thống nhất, đồng bộ, tránh chòng chéo ảnh hưởng đến kết quả thực hiện Nghị quyết. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát để kịp thời đôn đốc, đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết có hiệu quả.

Các sở, ban, ngành, đoàn thể và các địa phương chủ động xây dựng, điều chỉnh và triển khai kế hoạch, phương án, giải pháp thực hiện phù hợp với điều kiện cụ thể của ngành, địa phương mình theo từng thời kỳ; tích cực theo dõi kiểm tra, giám sát và kịp thời báo cáo những khó khăn, vướng mắc lên cấp trên để xin ý kiến chỉ đạo, biện pháp tháo gỡ.

Thực hiện Nghị quyết về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ vừa mang tính cấp bách, vừa mang tính lâu dài, có nhiều khó khăn, phức tạp, phải được thực hiện trên cơ sở kế thừa và phát triển, có bước đi vững chắc. Đây là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, trong đó người dân ở nông thôn là chủ thể trực tiếp, dưới sự lãnh đạo của cấp ủy, sự quản lý, điều hành của chính quyền, sự tham gia tích cực của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, nhất là ở cơ sở.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRONG GIAI ĐOẠN 2014 - 2015 VÀ HƯỚNG ĐẾN 2020

I - MỤC TIÊU

1. Phương hướng, mục tiêu cần đạt được đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020

1.1 - Mục tiêu tổng quát

Không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của dân cư nông thôn, hài hòa giữa các vùng, tạo sự chuyển biến nhanh hơn ở các vùng còn nhiều khó

khăn (nhất là các huyện nghèo, xã nghèo, thôn, bản đặc biệt khó khăn). Xây dựng nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại hiệu quả, bền vững, nhiều sản phẩm có giá trị gia tăng cao, đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia cả trước mắt và lâu dài. Từng bước xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại, cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ, đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ; hệ thống chính trị ở nông thôn dưới sự lãnh đạo của Đảng được tăng cường.

1.2 - Mục tiêu cụ thể đến năm 2015

- Cơ cấu kinh tế (năm 2015) nông - lâm - ngư nghiệp 26,2%; công nghiệp - xây dựng 36,1%; dịch vụ 37,7%. Lao động nông, lâm, ngư nghiệp chiếm 52% trong tổng cơ cấu lao động xã hội.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo, bồi dưỡng nghề đạt khoảng 55%.
- Phân đầu mỗi năm giảm từ 1,5 - 2% hộ nghèo (theo tiêu chí mới).
- Triển khai xây dựng 20% số xã theo chuẩn nông thôn mới. Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội cấp xã được tập trung đầu tư đồng bộ theo tiêu chí nông thôn mới, trước hết là hạ tầng thiết yếu như: giáo dục, y tế, giao thông, điện, nước sinh hoạt.
- Tỷ lệ che phủ rừng đạt trên 47%.
- 95% hộ dân cư nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh.
- 95% số trạm y tế xã có bác sỹ, 60% số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế giai đoạn 2011 - 2015.

1.3 - Một số chỉ tiêu đến năm 2020

- Tốc độ tăng trưởng bình quân GDP của ngành nông nghiệp tăng 4,5%;
- Cơ cấu giá trị sản xuất nội bộ ngành nông nghiệp: trồng trọt 43,1% - chăn nuôi 51,8% - dịch vụ 5,1%; tổng sản lượng lương thực đạt trên 770.000 tấn;
- Tổng sản phẩm chăn nuôi đạt 130.000 tấn thịt hơi (bò 400.00 con, lợn 1 triệu con, gia cầm 10 triệu con);
- Tỷ lệ che phủ rừng đạt 48%;
- Tổng sản lượng thủy sản qua chế biến xuất khẩu đạt 23.000 tấn; giá trị xuất khẩu thủy sản đạt 120 triệu USD (trong đó kim ngạch xuất khẩu đạt 98 triệu USD);

- Công trình thủy lợi cấp nước cho cây trồng đạt 95% diện tích gieo trồng hàng năm. Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh 100%;

- Triển khai xây dựng 50% số xã theo chuẩn nông thôn mới. Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội cấp xã được tập trung đầu tư đồng bộ theo tiêu chí nông thôn mới, trước hết là hạ tầng thiết yếu như: giáo dục, y tế, giao thông, điện, nước sinh hoạt.

- Tỷ lệ đường giao thông nông thôn được bê tông hoá đạt 90%. Số hộ nông thôn được sử dụng điện đạt 100%;

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo dưới 5%;

- Tỷ lệ lao động nông thôn được đào tạo, bồi dưỡng nghề trên 70%;

- Số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế ít nhất 80%;

- Lao động nông nghiệp còn 30% trong tổng số lao động xã hội.

2. Các định hướng lớn về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn

Để thực hiện thắng lợi Chương trình hành động số 25-CTr/TU ngày 17/12/2008 của Tỉnh ủy Bình Định về thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn trên địa bàn tỉnh; Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ tiếp tục ban hành nhiều chủ trương, chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn; lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành, địa phương đẩy mạnh chỉ đạo, hướng dẫn, hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp, tập trung triển khai xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn như: kiên cố hóa kênh mương; làm đường giao thông nông thôn; xây dựng kết cấu hạ tầng nuôi trồng thủy sản và hạ tầng làng nghề nông thôn, phát triển các hình thức tổ chức sản xuất có hiệu quả ở nông thôn trong đó quan tâm đến hoạt động của các tổ đoàn kết sản xuất trên biển, đặc biệt là huy động mọi nguồn lực vào Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Chú trọng chính sách tín dụng phục vụ nông nghiệp, nông thôn và chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Xây dựng các vùng chuyên canh, liên minh sản xuất hàng hóa, xác định, chọn lựa các sản phẩm đặc thù có lợi thế cạnh tranh trên địa bàn tỉnh để đầu tư, phát triển. Chủ trương từng bước thực hiện dồn điền đổi thửa sau khi thí điểm tại xã điểm nông thôn mới của tỉnh để rút kinh nghiệm nhằm đẩy mạnh ứng dụng cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp, tiến tới xây dựng nhiều cánh đồng mẫu lớn tạo ra sản phẩm hàng hóa có tiêu chuẩn đồng đều, chất lượng tốt, giá cả hợp lý, giá trị thu nhập cao giúp bà con nông dân có điều kiện nâng cao thu nhập, cải thiện cuộc sống... Đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, tập trung vào khai thác tiềm năng và thế mạnh của địa phương là tham gia bảo vệ rừng, phát triển rừng sản xuất và chăn nuôi đại gia súc để có nguồn lợi lớn sớm thay đổi cuộc sống vốn còn nhiều khó khăn hiện nay.

II - NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2014 - 2015

- Phát triển nông, lâm, ngư nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, đạt năng suất, chất lượng, hiệu quả cao, thân thiện với môi trường, gắn với công nghiệp chế biến, thị trường tiêu thụ và xuất khẩu. Phát triển thủy sản thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh. Thực hiện tốt công tác khuyến nông, khuyến công, khuyến lâm, khuyến ngư. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp. Thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới theo hướng văn minh, giàu đẹp, kinh tế phát triển, hạ tầng kinh tế - xã hội tương đối đồng bộ; giữ gìn và phát huy các ngành nghề truyền thống có giá trị.

- Chú trọng phát triển các thành phần kinh tế trong nông nghiệp và khu vực nông thôn đi đôi với giải quyết tốt vấn đề công bằng xã hội. Chăm lo phát triển kinh tế tập thể; tiếp tục đổi mới hoạt động của các hợp tác xã theo hướng thực sự là đơn vị kinh doanh có chức năng kinh tế và xã hội. Hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các trang trại, hộ sản xuất kinh doanh, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế thị trường, hội nhập kinh tế quốc tế.

- Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, chú trọng đào tạo đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ khoa học, công nghệ, doanh nhân, công nhân. Ưu tiên đầu tư từ ngân sách tỉnh cho phát triển giáo dục - đào tạo ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn.

- Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất và đời sống, phát triển khoa học xã hội và nhân văn. Tập trung nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học nhằm nâng cao năng suất, chất lượng cây trồng, vật nuôi. Tăng cường công tác bảo vệ môi trường, xử lý chất thải. Thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; triển khai thực hiện Cuộc vận động xây dựng gia đình Việt Nam. Tiếp tục đầu tư xây dựng, tôn tạo, bảo vệ các di tích, danh lam thắng cảnh; xây dựng các công trình văn hóa ở cấp huyện, xã. Thực hiện xã hội hóa một số hoạt động trên lĩnh vực văn hóa, thể dục, thể thao. Thực hiện nghiêm chỉnh sách và pháp luật về dân số; làm tốt công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ và trẻ em vùng nông thôn.

- Đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

- Tập trung củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên. Tiếp tục nâng cao chất lượng,

hiệu quả công tác kiểm tra giám sát của các cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp và chi bộ.

- Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng chính quyền vững mạnh; nâng cao chất lượng hoạt động của hội đồng nhân dân các cấp; kiên quyết đấu tranh phòng chống tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí; tiếp tục thực hiện cải cách hành chính, trọng tâm là đẩy mạnh thực hiện cải cách thủ tục hành chính; tiếp tục thực hiện chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.

2. Các giải pháp thực hiện

2.1 - Tiếp tục quán triệt Nghị quyết tới cán bộ, đảng viên và nhân dân từ tỉnh tới cơ sở

- Các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên cần tiếp tục tổ chức học tập nghiên cứu, quán triệt sâu sắc hơn Nghị quyết. Nâng cao hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền về nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong công cuộc xây dựng nông thôn mới theo hướng sâu rộng, thường xuyên, sinh động và gắn với các chương trình, hành động cụ thể của các ngành, các cấp.

- Triển khai mạnh mẽ cuộc vận động “Toàn dân xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư gắn với xây dựng nông thôn mới”; đồng thời, đẩy mạnh việc thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” đã được Thủ tướng Chính phủ phát động. Có cơ chế theo dõi, đánh giá và có chế độ khen thưởng xứng đáng cho tập thể và các cá nhân làm tốt. Các sở, ban, ngành và mỗi cán bộ, đảng viên phải coi việc xây dựng nông thôn mới vừa là mục tiêu, yêu cầu của phát triển bền vững, vừa là nhiệm vụ cấp bách, là chủ trương có tầm chiến lược đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp cách mạng của Đảng ta và mang tính nhân văn sâu sắc. Qua đó tạo được sự đồng thuận và sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự đồng tâm hiệp lực của toàn xã hội trong triển khai thực hiện.

2.2 - Đẩy nhanh việc ban hành và hướng dẫn thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách đã nêu trong Nghị quyết; khẩn trương hoàn thành các nhiệm vụ của các ngành, địa phương trong Chương trình hành động của Tỉnh ủy, bố trí đủ nguồn lực và tổ chức bộ máy để triển khai các cơ chế chính sách đã ban hành.

2.3 - Tập trung nỗ lực, triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ và giải pháp đã nêu trong Nghị quyết

2.3.1 - Xây dựng nền nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, đồng thời phát triển mạnh công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn. Tiếp tục rà soát quy hoạch, hình thành các vùng sản xuất tập trung trên cơ sở phát huy lợi thế của mỗi địa phương cụ thể tới từng xã, đẩy mạnh việc ứng dụng khoa học kỹ thuật để tăng nhanh năng suất, chất lượng, giá trị tăng thêm, đảm bảo vệ sinh an toàn thực

phẩm, bảo vệ môi trường, đảm bảo an ninh lương thực, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của nhân dân và xuất khẩu.

2.3.2 - Xây dựng đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn. Hỗ trợ tích cực để xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng cấp thôn, xã theo bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới, đồng thời nâng cấp, phát triển cơ sở hạ tầng liên xã, cấp vùng. Có cơ chế để nhân dân tham gia quản lý, sử dụng có hiệu quả cơ sở hạ tầng, trong đó chú trọng hỗ trợ phát triển giao thông nông thôn, thủy lợi, hạ tầng nghề cá ven biển.

2.3.3 - Đẩy mạnh triển khai Chương trình xây dựng nông thôn mới để nâng cao nhanh hơn đời sống vật chất, tinh thần của cư dân nông thôn, thu hẹp khoảng cách giàu nghèo giữa nông thôn và thành thị. Phấn đấu 50% các xã còn lại hoàn chỉnh đồ án quy hoạch và đề án xã nông thôn mới trình huyện thẩm định, phê duyệt (chậm nhất là cuối quý II/2013). Đối với 4 xã điểm của tỉnh và 23 xã điểm của huyện, thị xã, thành phố trong giai đoạn 2011 - 2015 phấn đấu đến năm 2015 đạt và cơ bản đạt 19 tiêu chí hoàn thành xã nông thôn mới. Các xã hoàn thành xây dựng nông thôn mới giai đoạn sau 2020, ban quản lý các xã đẩy nhanh tiến độ thực hiện Đề án xây dựng nông thôn mới. Các xã được cấp vốn đầu tư cơ sở hạ tầng và hỗ trợ phát triển sản xuất triển khai thực hiện theo kế hoạch được phê duyệt.

2.3.4 - Tiếp tục nỗ lực xóa đói giảm nghèo; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của dân cư nông thôn. Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện các chương trình xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội gắn với giảm nghèo và tạo việc làm; tập trung nguồn lực đầu tư và các hoạt động ưu tiên hỗ trợ cho các xã đặc biệt khó khăn, xã nghèo, huyện nghèo, hộ nghèo. Cùng với việc hỗ trợ trực tiếp cho các hộ nghèo, chú trọng thu hút các doanh nghiệp đầu tư về nông thôn, tạo việc làm cho nông dân.

2.3.5 - Tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả của các hình thức tổ chức sản xuất theo hướng chú trọng phát triển hợp tác xã kiểu mới trong nông nghiệp theo Luật Hợp tác xã năm 2012; hỗ trợ phát triển kinh tế hộ sản xuất hàng hóa, phát triển kinh tế tư nhân. Khuyến khích phát triển tổ đoàn kết sản xuất trên biển để từng bước vận động hình thành tổ hợp tác theo Nghị định 151 của Chính phủ.

2.3.6 - Tăng mạnh nguồn lực đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn. Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất những đột phá về cơ chế, chính sách để tạo điều kiện thuận lợi phát triển đồng bộ về quyền sử dụng đất đai, lao động, khoa học công nghệ, tài chính, sản xuất và thị trường tiêu thụ sản phẩm. Ưu tiên bố trí đủ nguồn vốn từ ngân sách nhà nước cho các nhiệm vụ trọng tâm. Hỗ trợ người dân và doanh nghiệp tiếp cận và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn tín dụng.

2.3.7 - Phát triển nhanh nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học, công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực, tạo đột phá để hiện đại hóa nông nghiệp, công nghiệp hóa nông thôn. Đổi mới cơ chế chính sách về khoa học công nghệ,

tạo điều kiện thuận lợi để huy động sự tham gia của các thành phần kinh tế. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

2.3.8 - *Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, phát huy sức mạnh của các đoàn thể chính trị xã hội ở nông thôn, nhất là hội nông dân.* Đẩy mạnh nghiên cứu hoàn thiện, bổ sung hệ thống lý luận về nông nghiệp, nông thôn, trong đó làm rõ vai trò đặc thù của nông nghiệp và kinh tế nông thôn trong chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế của đất nước; tạo lập vai trò chủ thể của người dân và của cộng đồng dân cư nông thôn trong xây dựng nông thôn mới. Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước. Bổ sung nhân lực và tăng cường năng lực cho hệ thống quản lý nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

III - ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

- Trung ương cần quan tâm đầu tư, hỗ trợ nhiều hơn nữa kinh phí để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo nhanh và bền vững (Chương trình 30a), Chương trình xây dựng nông thôn mới, đào tạo nghề cho lao động nông thôn để đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đổi mới bộ mặt nông thôn, góp phần ổn định và phát triển nông nghiệp, nông thôn và nông dân.

- Có cơ chế, chính sách thông thoáng, cụ thể, rõ ràng để kêu gọi các thành phần kinh tế mạnh dạn đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Thực hiện triệt để cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện các nhà đầu tư nhất là các doanh nghiệp và hợp tác xã nông nghiệp đầu tư, phát triển sản xuất trên địa bàn.

- Cần bổ sung hoàn thiện cơ chế, chính sách phù hợp với từng vùng, miền; kêu gọi hỗ trợ đầu tư từ các nguồn vốn nước ngoài; nguồn vốn của các doanh nghiệp; của cộng đồng dân cư vào xây dựng nông thôn mới, đảm bảo đạt mục tiêu, kế hoạch cụ thể đã đề ra cho từng giai đoạn.

- Bộ Nội vụ và các bộ, ngành liên quan sớm thống nhất, có quy định, hướng dẫn cụ thể về bộ máy chỉ đạo, quản lý thực hiện Chương trình nông thôn mới từ Trung ương đến cơ sở để các địa phương kiện toàn Ban Chỉ đạo và bộ phận giúp việc.

- Đề nghị Chính phủ sớm ban hành Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012 để các địa phương có điều kiện triển khai thực hiện đạt tiêu chí số 13 Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

- Đề nghị Chính phủ xem xét mở rộng đối tượng hộ sản xuất nông nghiệp cư trú ở địa bàn thị trấn, phường thuộc thị xã, thành phố được vay vốn theo Nghị định 41/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Đề nghị Ngân hàng Nhà nước xem xét bố trí nguồn vốn ưu đãi hoặc hỗ trợ về lãi suất vốn vay để cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Nhà nước có cơ chế, chính sách đẩy mạnh hỗ trợ công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; chính sách đối với cán bộ để khuyến khích cán bộ khoa học về công tác vùng nông thôn; có chính sách bao tiêu sản phẩm, mở rộng thị trường trong nước và xuất khẩu tạo điều kiện để nông dân an tâm, mạnh dạn đầu tư phát triển sản xuất.

- Đề nghị Trung ương Hội Nông dân Việt Nam tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ hội nông dân ở địa phương nhất là ở cơ sở để nâng cao kỹ năng tuyên truyền, vận động nông dân thực hiện Nghị quyết, tích cực tham gia cùng các đơn vị có liên quan thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới của địa phương./.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Các cơ quan Trung ương tại T26;
- Các đ/c Tỉnh ủy viên;
- Các đảng đoàn, ban cán sự đảng;
- Các ban của Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành, Mặt trận, đoàn thể tỉnh;
- Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc;
- Lưu VPTU, CPVP, CVNC.

Nguyễn Văn Thiện